

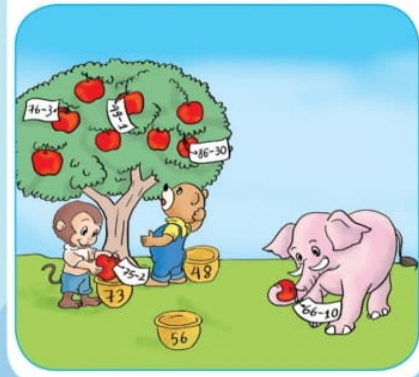
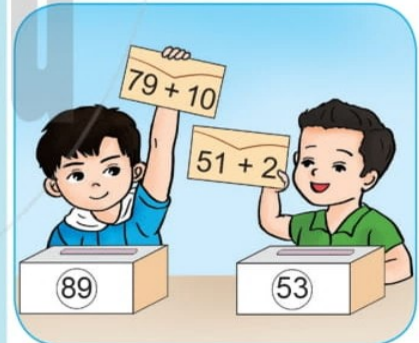


ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

VỞ BÀI TẬP

Toán 1

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

VỞ BÀI TẬP

Toán 1

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ nhất)

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

Số

?

Viết số thích hợp vào trong ô

**>
<
=**

?

Viết dấu (>, <, =) thích hợp vào trong ô



Bài tập luyện tập, thực hành



Bài tập vận dụng

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VỞ BÀI TẬP TOÁN 1

Vở bài tập Toán 1 (gồm 2 tập) là cuốn sách đi cùng với sách giáo khoa Toán 1 (Tổng Chủ biên - GS.TSKH Đỗ Đức Thái và Chủ biên - PGS.TS Đỗ Tiến Đạt), được biên soạn nhằm: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của dạy học môn Toán lớp 1; Giúp các em học sinh lớp 1 và các thầy cô giáo thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tăng cường khả năng hoạt động độc lập, tự học có hướng dẫn, tạo cơ hội hình thành và phát triển năng lực học tập môn Toán cho học sinh.

Khi sử dụng **Vở bài tập Toán 1** cần chú ý một số điểm sau:

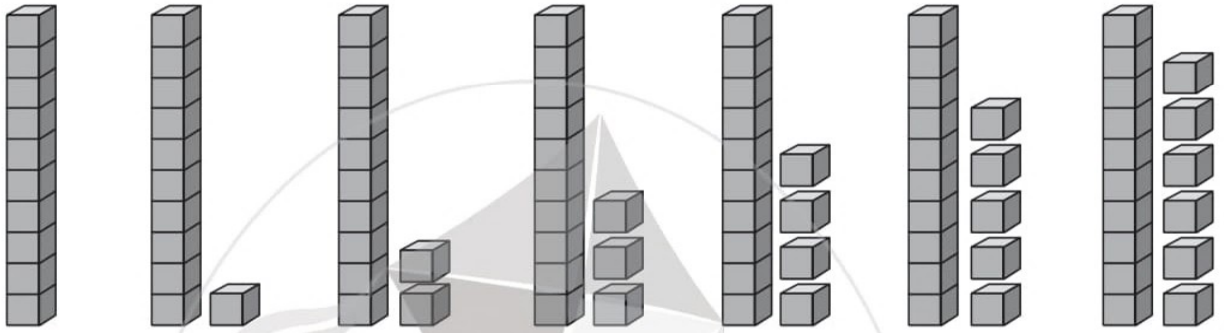
1. **Vở bài tập Toán 1** gồm các bài tập/hoạt động thực hành tương tự như các bài tập/hoạt động thực hành trong sách giáo khoa Toán 1, nhưng được trình bày để tạo điều kiện cho học sinh trực tiếp ghi lại bài làm hoặc trình bày sản phẩm của cá nhân. Trong các tiết học toán, thầy cô giáo có thể hướng dẫn học sinh làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong sách giáo khoa Toán 1. Học sinh cũng có thể sử dụng vở bài tập này khi tự học hoặc ôn tập.
2. Sau mỗi chủ đề, **Vở bài tập Toán 1** có giới thiệu các bài kiểm tra, tạo điều kiện để học sinh tự đánh giá và giúp các thầy cô giáo, cha mẹ học sinh đánh giá sự tiến bộ của học sinh.
3. Trong cùng một buổi học không nên yêu cầu học sinh vừa làm bài tập trong sách giáo khoa vừa làm các bài tập cùng dạng trong vở bài tập này, tránh gây nặng nề không cần thiết.

Các tác giả

Bài 39

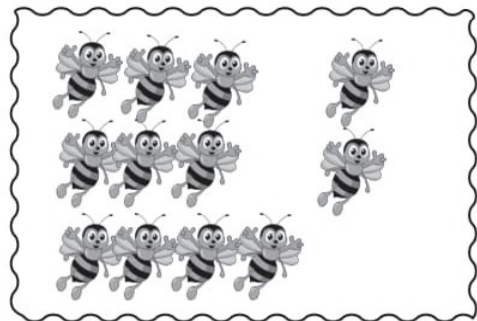
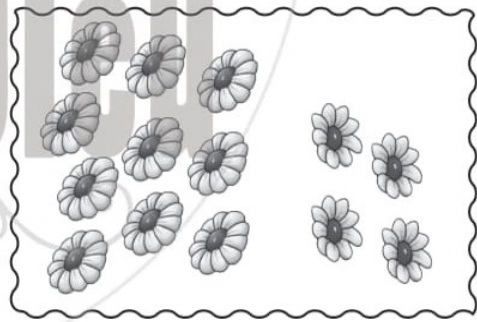
CÁC SỐ 11, 12, 13, 14, 15, 16

1 SỐ ?



10 11 12 13

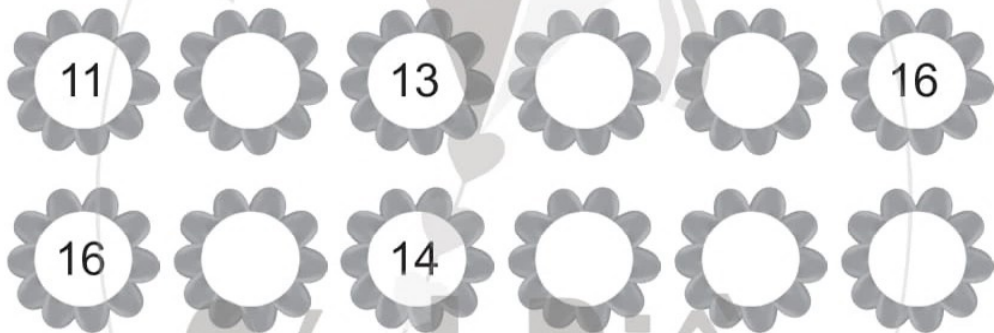
2 SỐ ?



3 Số ?



4 Số ?



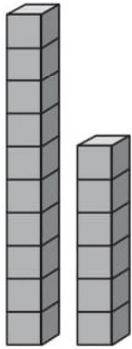
5 Xem tranh rồi đếm số bánh mỗi loại:



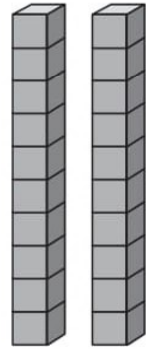
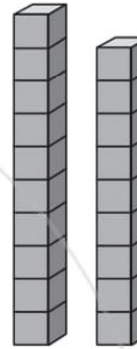
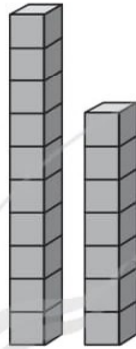
Bài 40

CÁC SỐ 17, 18, 19, 20

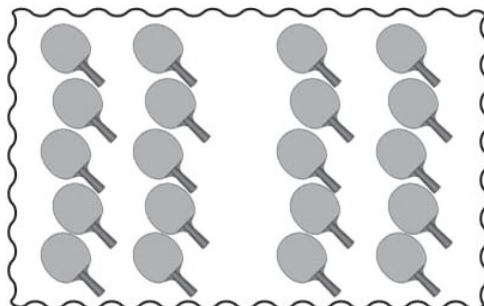
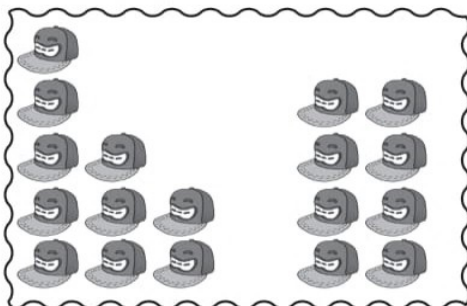
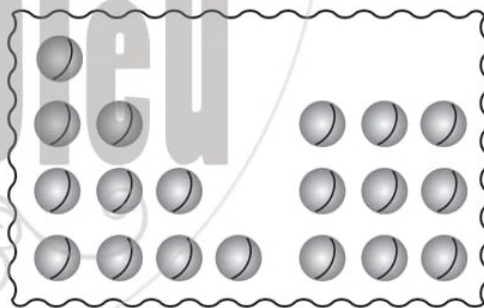
1 SỐ ?



16

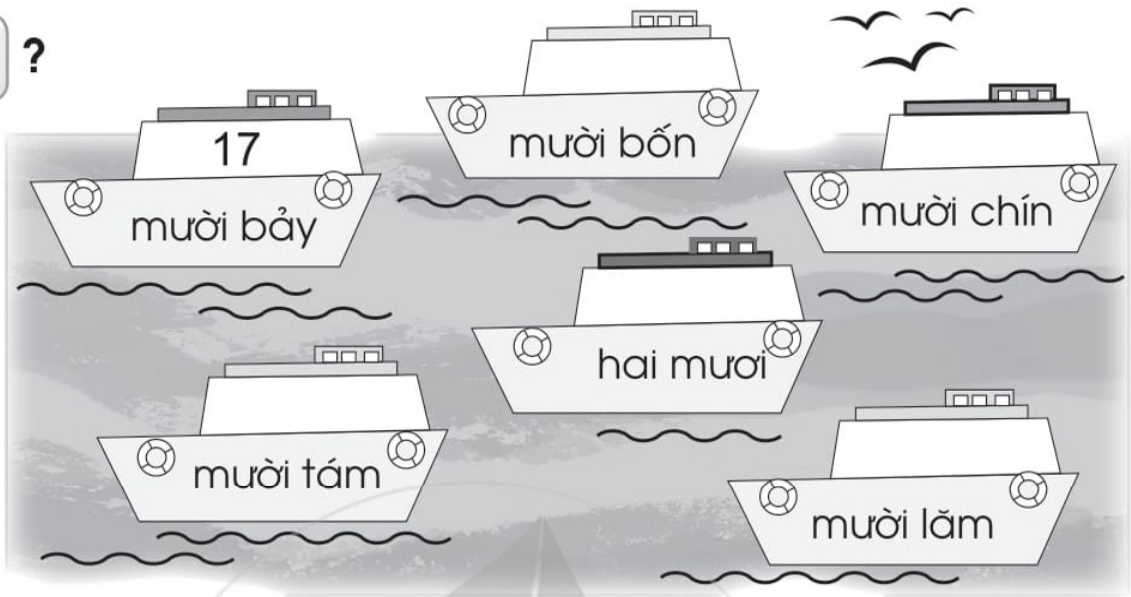


2 SỐ ?



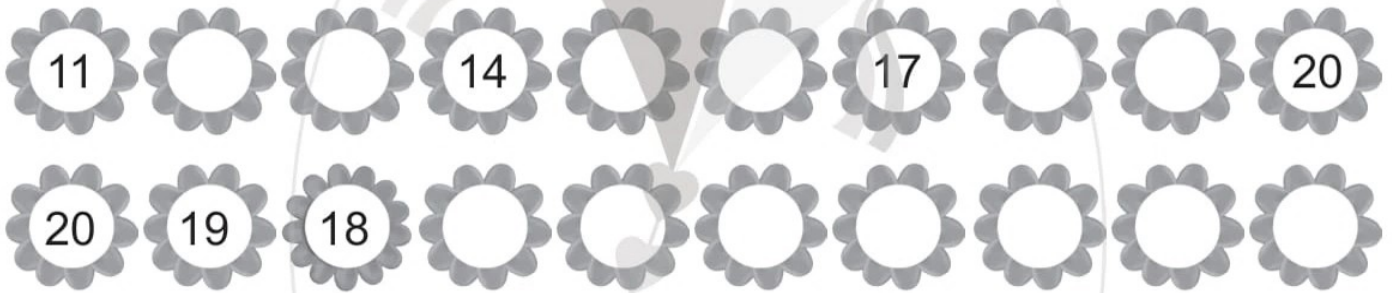
3

SỐ ?



4

SỐ ?



5

Xem tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Có tất cả bạn.

b) Có bạn nam.

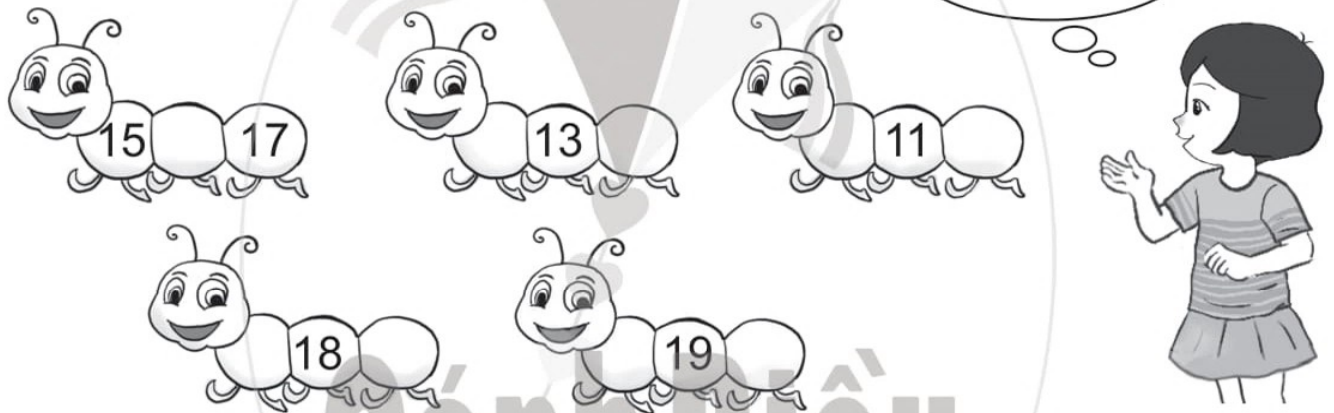


Bài 41 LUYỆN TẬP

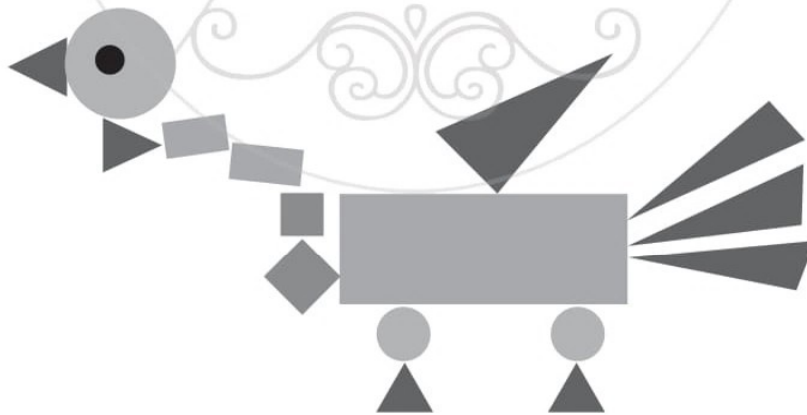
1 SỐ ?

1	2		4		6		8		10
	12	13		15		17		19	

2 SỐ ?



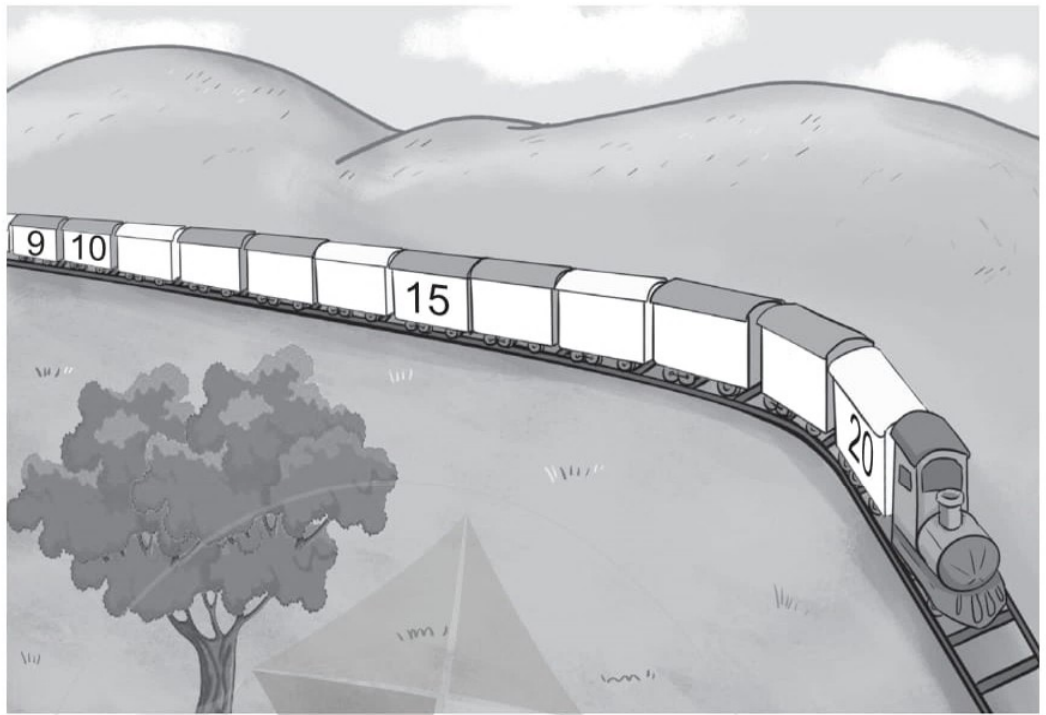
3 Xem hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Hình trên có: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Có tất cả hình.

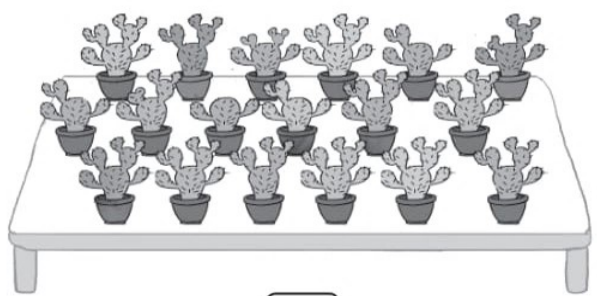
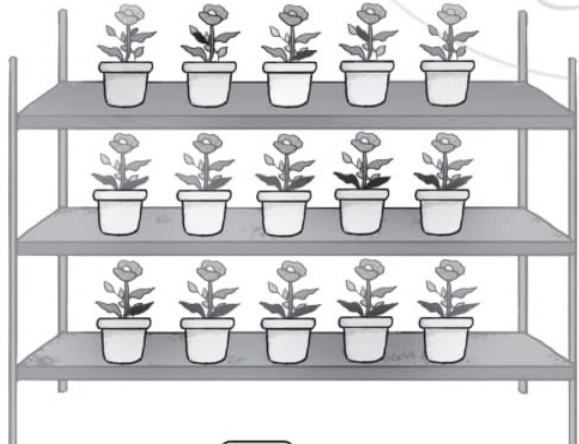
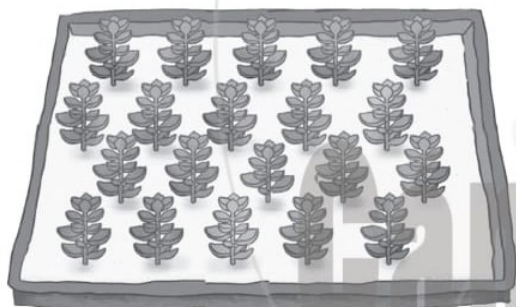
4

Số ?



5

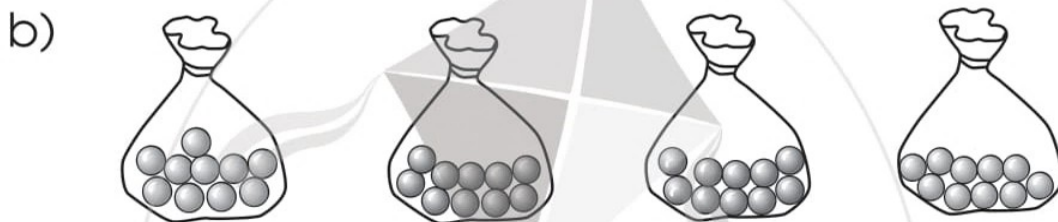
Đếm rồi viết số cây mỗi loại vào ô trống:



1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Có tất cả hạt.



Có tất cả viên kẹo.

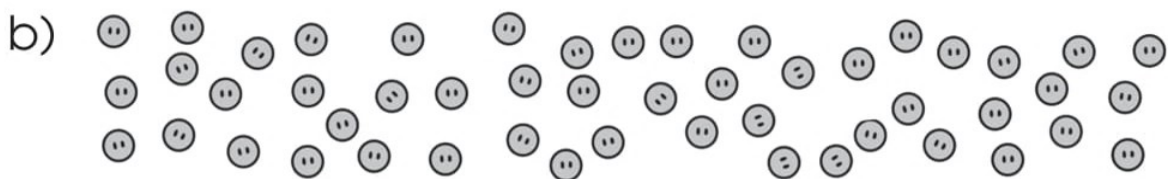
2 Số ?



3 Khoanh vào từng nhóm 10 đồ vật rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Có tất cả viên sỏi.

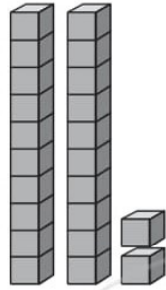


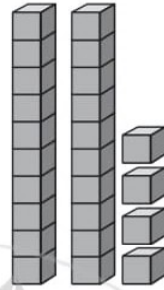
Có tất cả cục áo.

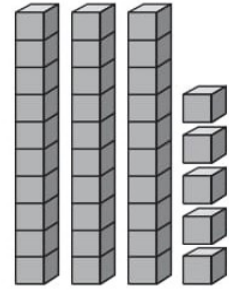
Bài 43

CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (TỪ 21 ĐẾN 40)

1 SỐ ?







2 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):**

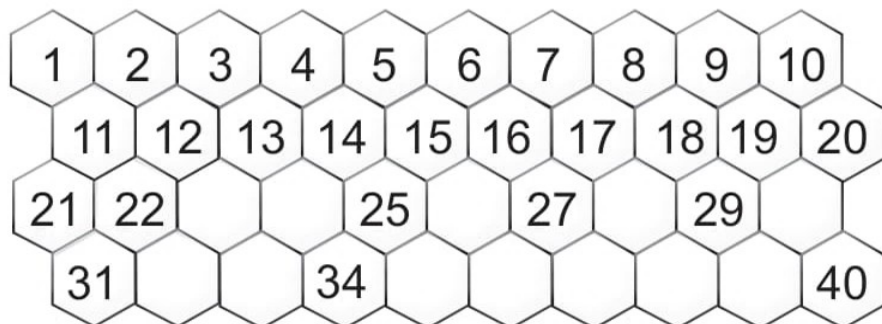
- a) Hai mươi: 20
 Hai mươi mốt:
 Hai mươi hai:
 Hai mươi ba:
 Hai mươi tư:
 Hai mươi lăm:

- Hai mươi sáu:
 Hai mươi bảy:
 Hai mươi tám:
 Hai mươi chín:
 Ba mươi:

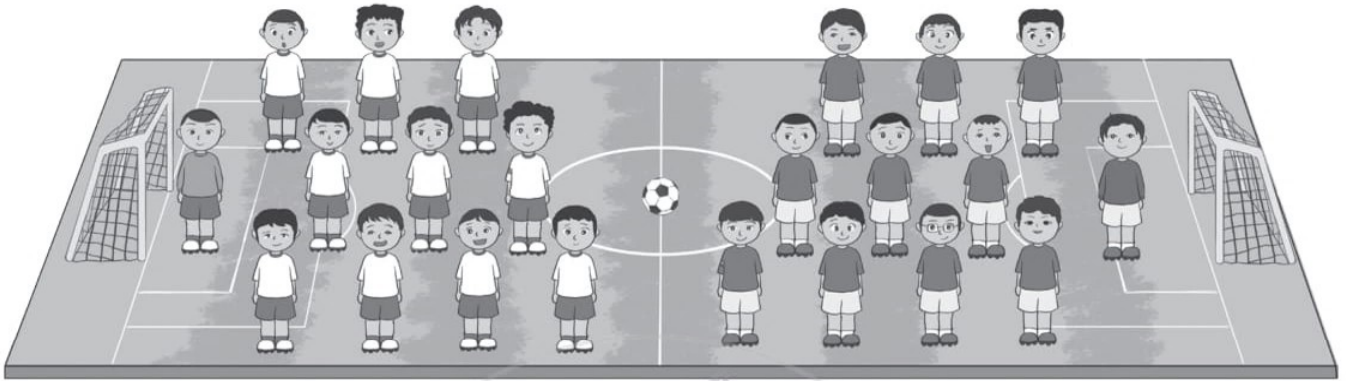
- b) Ba mươi:
 Ba mươi mốt:
 Ba mươi hai:
 Ba mươi ba:
 Ba mươi tư:
 Ba mươi lăm:

- Ba mươi sáu:
 Ba mươi bảy:
 Ba mươi tám:
 Ba mươi chín:
 Bốn mươi:

3 **Viết các số còn thiếu vào ô trống rồi đọc các số đó:**



4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

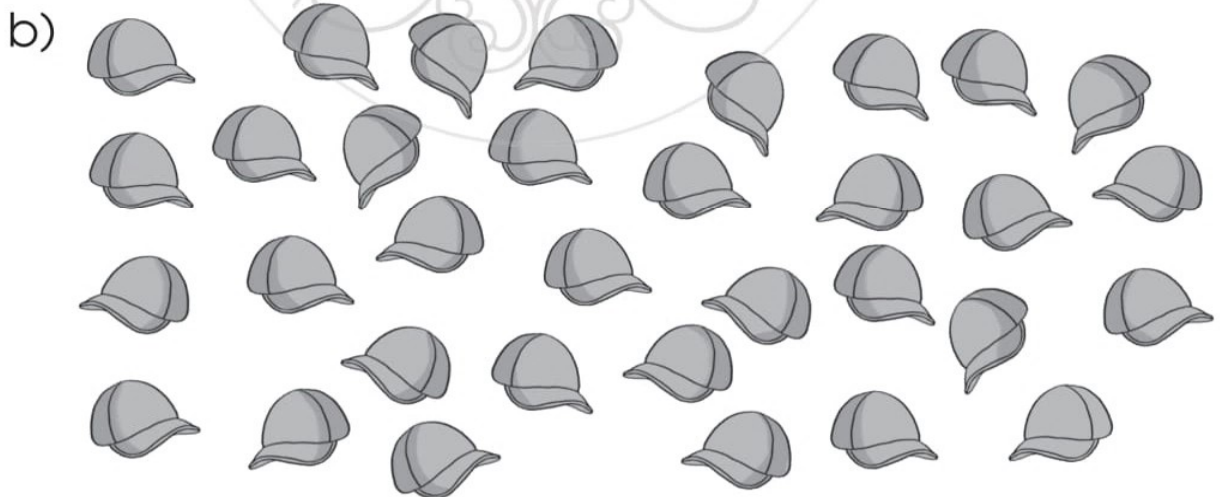


Có tất cả cầu thủ.

5 Khoanh vào từng nhóm 10 đồ vật rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Có tất cả chiếc nơ.

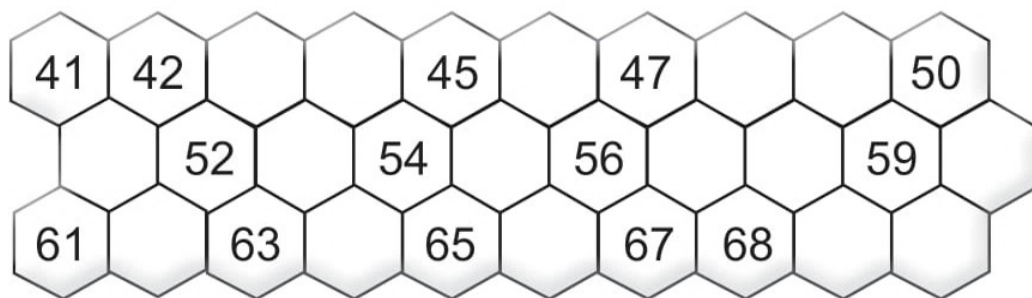


Có tất cả chiếc mũ.

1 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

- | | |
|---------------------|----------------------|
| a) Bốn mươi: | Bốn mươi sáu: |
| Bốn mươi mốt: | Bốn mươi bảy: |
| Bốn mươi hai: | Bốn mươi tám: |
| Bốn mươi ba: | Bốn mươi chín: |
| Bốn mươi tư: | Năm mươi: |
| Bốn mươi lăm: | |
| b) Năm mươi: | Năm mươi sáu: |
| Năm mươi mốt: | Năm mươi bảy: |
| Năm mươi hai: | Năm mươi tám: |
| Năm mươi ba: | Năm mươi chín: |
| Năm mươi tư: | Sáu mươi: |
| Năm mươi lăm: | |
| c) Sáu mươi: | Sáu mươi sáu: |
| Sáu mươi mốt: | Sáu mươi bảy: |
| Sáu mươi hai: | Sáu mươi tám: |
| Sáu mươi ba: | Sáu mươi chín: |
| Sáu mươi tư: | Bảy mươi: |
| Sáu mươi lăm: | |

2 Viết các số còn thiếu vào ô trống rồi đọc các số đó:



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Có tất cả quả dâu tây.

b)

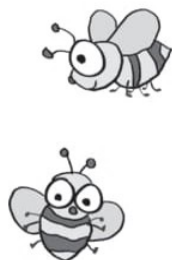
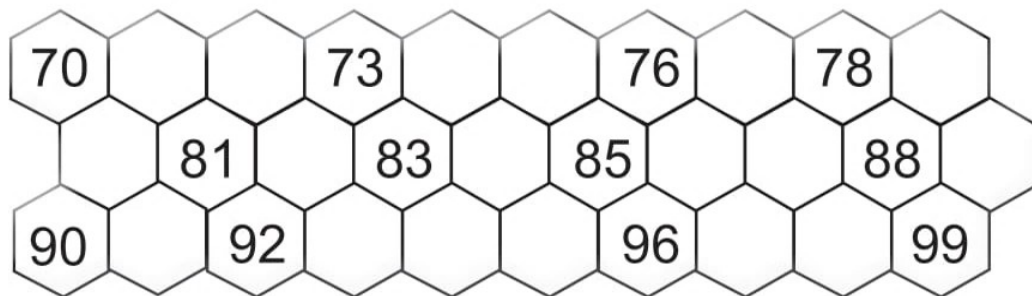


Có tất cả viên ngọc trai.

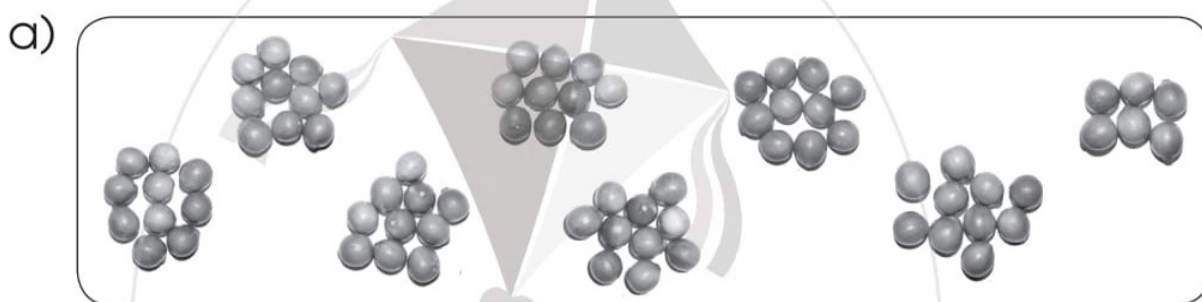
1 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| a) Bảy mươi: | Bảy mươi sáu: |
| Bảy mươi mốt: | Bảy mươi bảy: |
| Bảy mươi hai: | Bảy mươi tám: |
| Bảy mươi ba: | Bảy mươi chín: |
| Bảy mươi tư: | Tám mươi: |
| Bảy mươi lăm: | |
| b) Tám mươi: | Tám mươi sáu: |
| Tám mươi mốt: | Tám mươi bảy: |
| Tám mươi hai: | Tám mươi tám: |
| Tám mươi ba: | Tám mươi chín: |
| Tám mươi tư: | Chín mươi: |
| Tám mươi lăm: | |
| c) Chín mươi: | Chín mươi lăm: |
| Chín mươi mốt: | Chín mươi sáu: |
| Chín mươi hai: | Chín mươi bảy: |
| Chín mươi ba: | Chín mươi tám: |
| Chín mươi tư: | Chín mươi chín: |

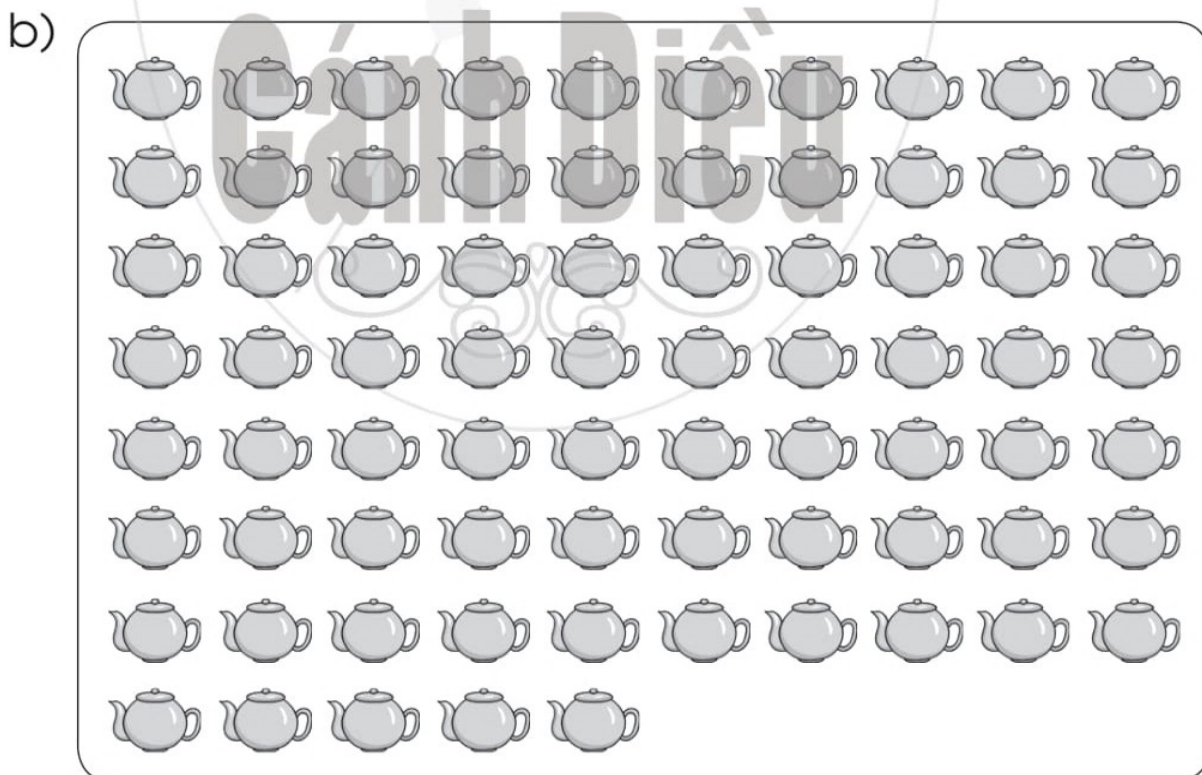
2 Viết các số còn thiếu vào ô trống rồi đọc các số đó:



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Có tất cả quả chanh.



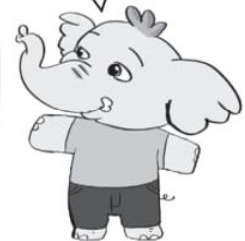
Có tất cả chiếc ấm.

Bài 46 CÁC SỐ ĐẾN 100

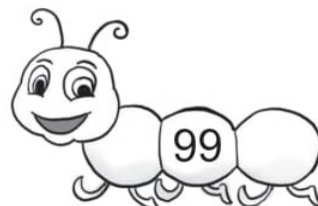
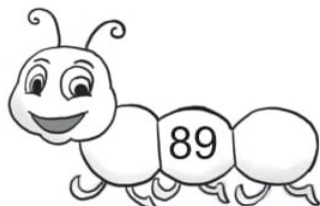
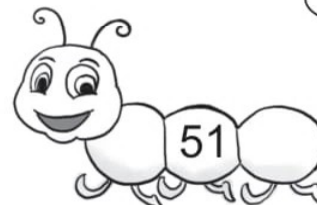
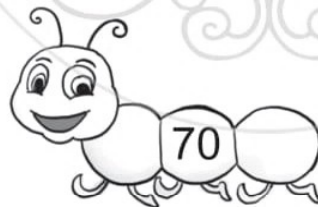
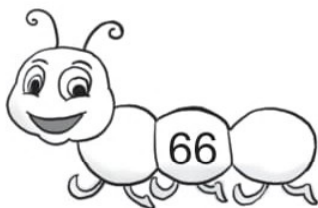
1 Viết vào ô trống những số còn thiếu để có bảng các số từ 1 đến 100:

1		3	4			7	8		10
	12	13		15	16		18	19	
21	22		24	25	26	27		29	30
31		33	34	35	36	37	38		40
	42	43	44	45	46	47	48	49	
	52	53	54	55	56	57	58	59	
61		63	64	65	66	67	68		70
71	72		74	75	76	77		79	80
	82	83		85	86		88	89	
91		93	94			97	98		100

Các số từ 10 đến 99 là các số có hai chữ số



2 SỐ ?



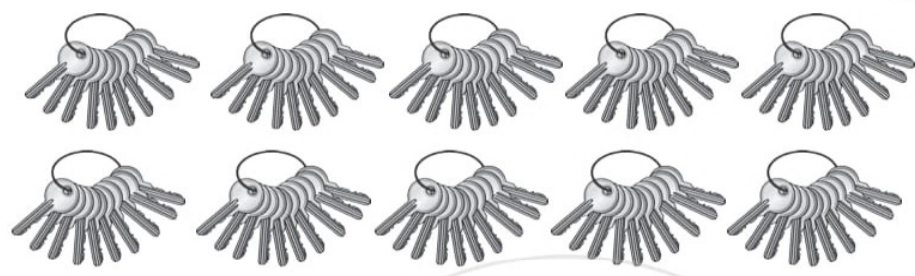
50, 51, 52



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)

10, 20, ..., 90, 100.



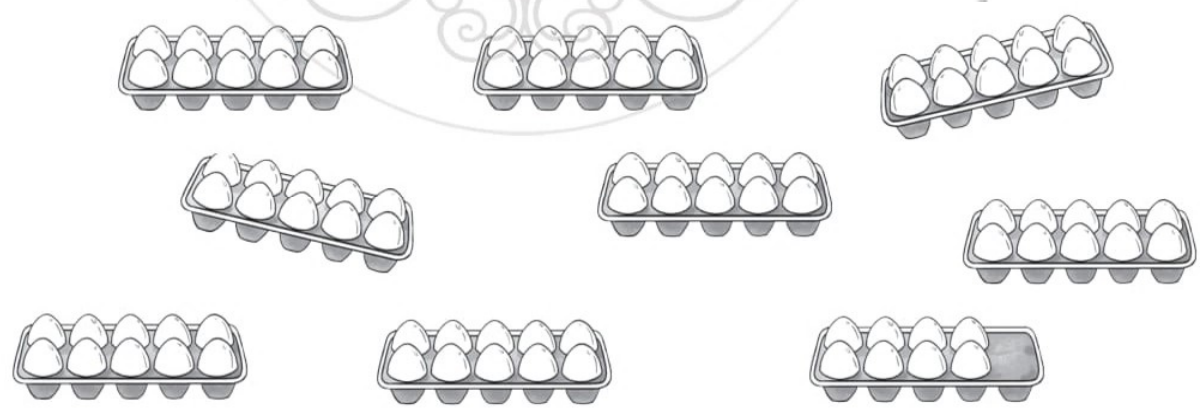
Có tất cả chiếc chìa khoá.

b)



Có tất cả củ cà rốt.

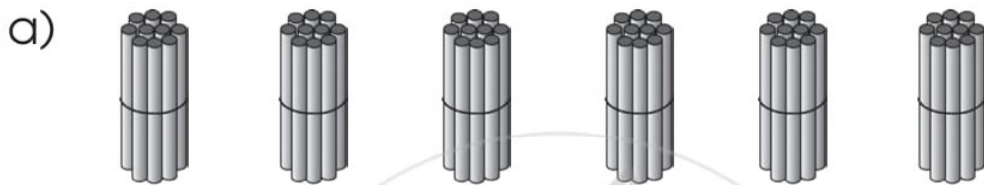
c)



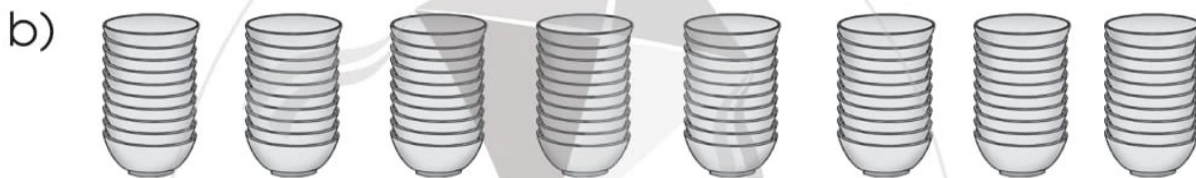
Có tất cả quả trứng.

Bài 47 CHỤC VÀ ĐƠN VỊ

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Có tất cả chục que tính.



Có tất cả chục cái bát.

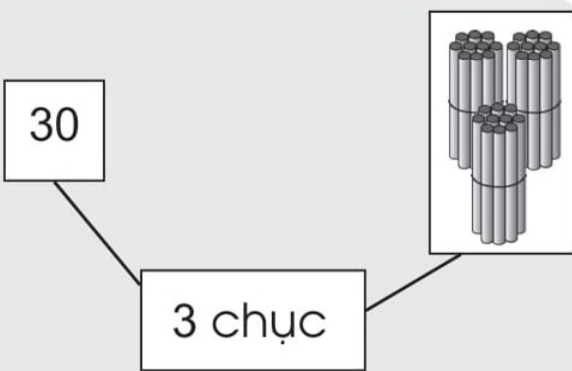
2 SỐ ?



Các số 10, 20, ..., 90 là các số tròn chục

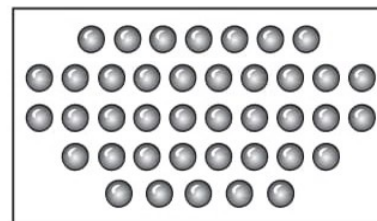


3 Nói (theo mẫu):



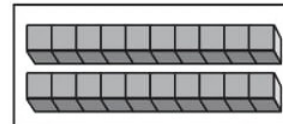
4 chục

20



2 chục

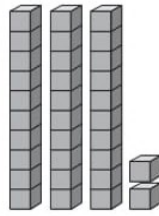
40



4

Số ?

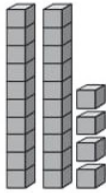
Mẫu:



32

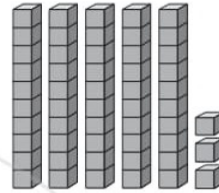
Chục	Đơn vị
3	2

a)



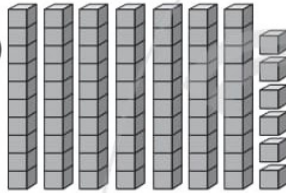
Chục	Đơn vị

b)



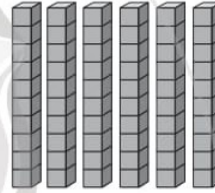
Chục	Đơn vị

c)



Chục	Đơn vị

d)



Chục	Đơn vị

5

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số 12 gồm chục và đơn vị.

b) Số 49 gồm chục và đơn vị.

c) Số 80 gồm chục và đơn vị.

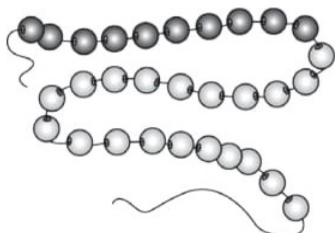
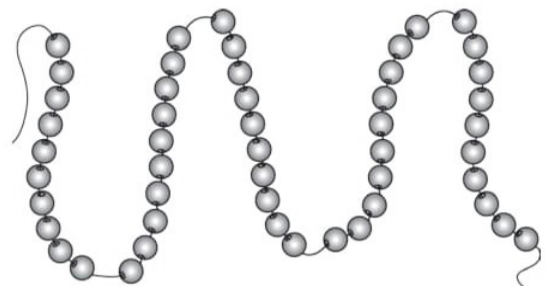
d) Số 66 gồm chục và đơn vị.

Số 12 gồm 1 chục và 2 đơn vị

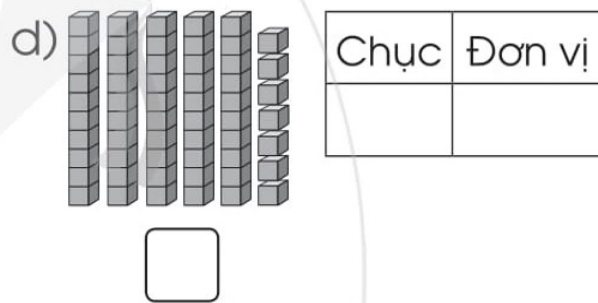
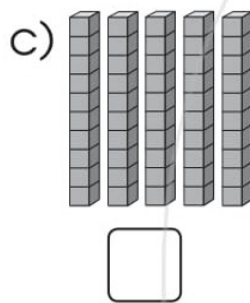
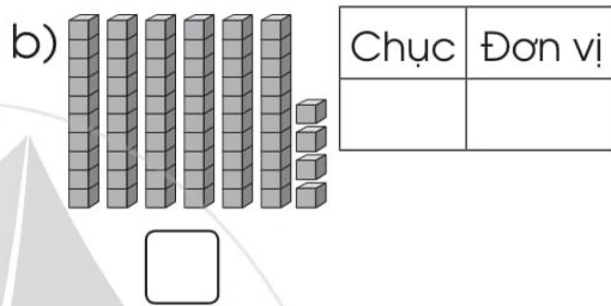
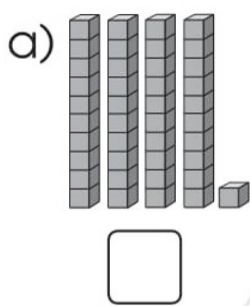


6

Mỗi dây có mấy chục hạt?


 chục

 chục

1 Số ?



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số 27 gồm chục và đơn vị.

b) Số 63 gồm chục và đơn vị.

c) Số 90 gồm chục và đơn vị.

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

Mẫu: Số gồm 5 chục và 1 đơn vị là 51.

– Số gồm 1 chục và 5 đơn vị là

– Số gồm 4 chục và 3 đơn vị là

– Số gồm 8 chục và 2 đơn vị là

– Số gồm 3 chục và 3 đơn vị là

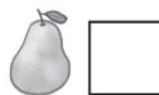
4

Số ?

Chục	Đơn vị	Viết số
1	3	13
4	6	
8	8	
		52

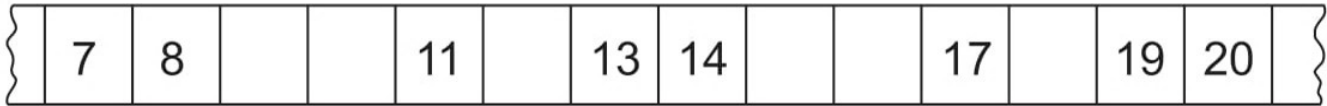
5

Đếm rồi viết số quả mỗi loại vào ô trống:



Bài 49 SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

1 a) Số ?



b) $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$? 11 18 15 13 16 20 11 9

2 a) Số ?



b) $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$? 20 40 30 70 90 50 60 60

3 a) Số ?



b) $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$? 56 57 66 60 63 63 62 59

4 Xem tranh rồi viết tên vào chỗ chấm cho thích hợp:



Mai



Nam




Lan

a) Bó hoa của bạn có nhiều bông hoa nhất.

b) Bó hoa của bạn có ít bông hoa nhất.

Bài 50 LUYỆN TẬP

- 1  ?
- 12 18 86 85 65 65 8 18
- 27 24 68 70 43 52 96 76

- 2 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

Cho các số:

38

99

83

- a) Số bé nhất là
- b) Số lớn nhất là
- c) Viết các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

- 3 a) **Viết số điểm của mỗi bạn trong trò chơi thi tung cầu:**

Tôi được
18 điểm



Khánh

.....

Mình được
19 điểm



Long

.....

Tôi được
23 điểm



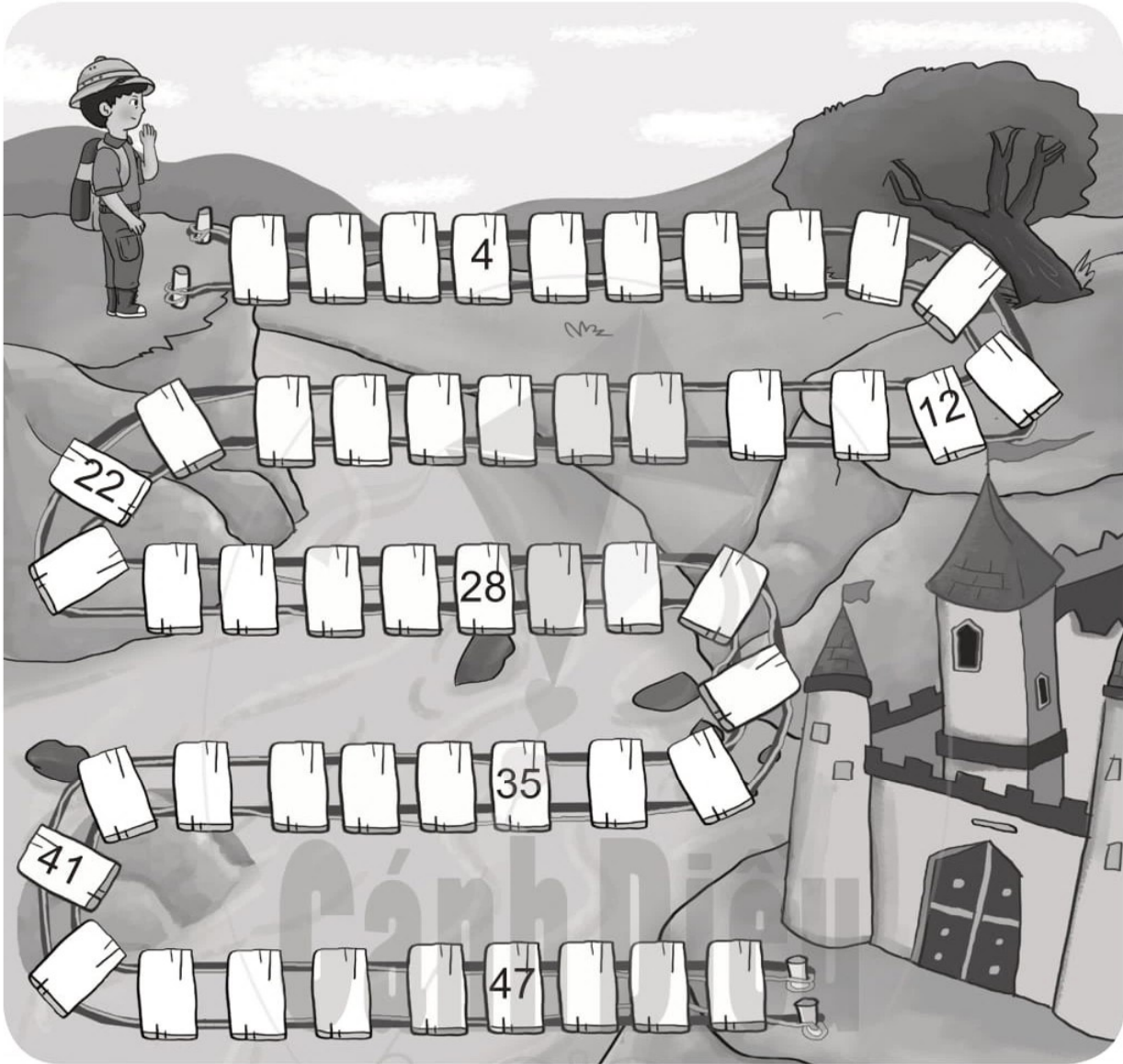
Yến

.....

- b) **Viết tên các bạn theo thứ tự số điểm từ lớn đến bé:**

.....

- 4 a) Hãy giúp nhà thám hiểm vượt qua cây cầu bằng cách viết các số đã bị xoá:

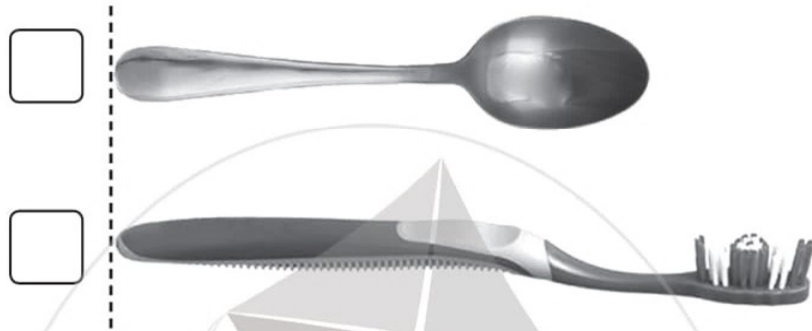


b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong các số em vừa viết:

- Số lớn nhất là
- Số bé nhất là
- Số tròn chục bé nhất là
- Số tròn chục lớn nhất là

1 a) Đánh dấu ✓ vào ô trống bên cạnh đồ vật ngắn hơn:



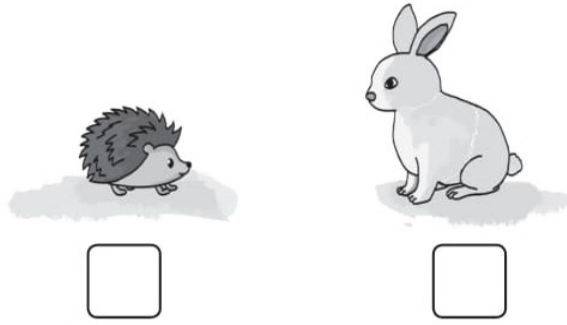
b) Khoanh vào chiếc thang dài hơn trong mỗi hình sau:



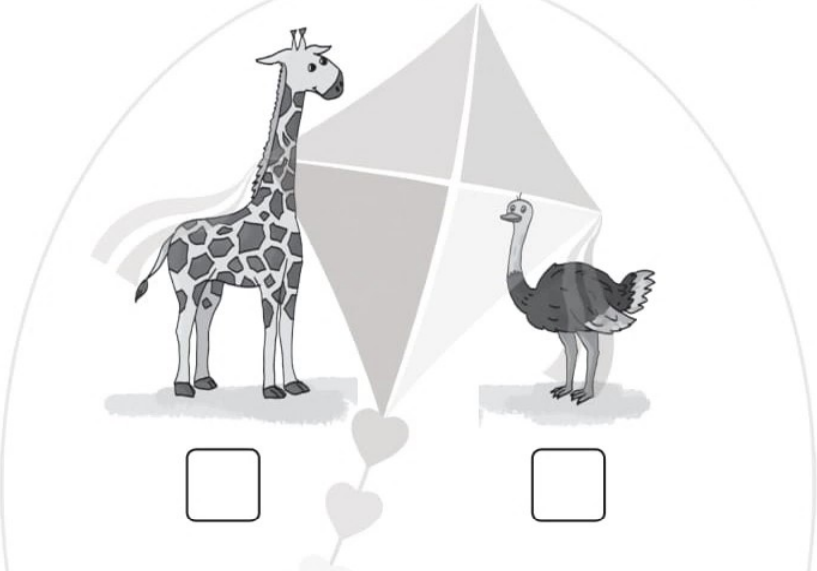
2 Tô màu xanh vào chiếc váy dài nhất.
Tô màu đỏ vào chiếc váy ngắn nhất.



3 a) Đánh dấu ✓ vào ô trống ở dưới con vật cao hơn:



b) Đánh dấu ✕ vào ô trống ở dưới con vật thấp hơn:



4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:



Trong hình vẽ trên:

– Người cao nhất là

– Người thấp nhất là

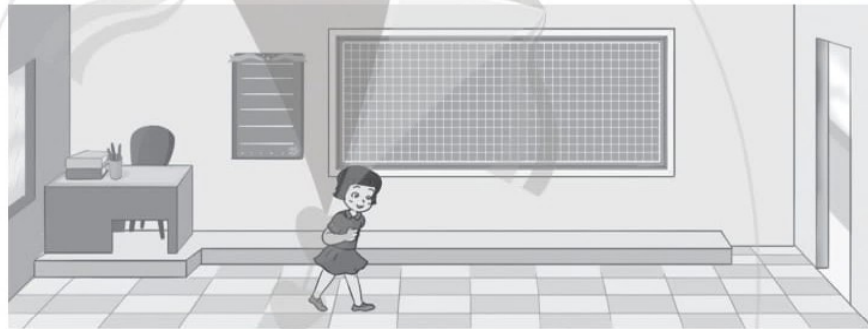
Bài 52 ĐO ĐỘ DÀI

1 Thực hành đo độ dài rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Mặt bàn dài khoảng gang tay.



b) Lớp em rộng khoảng bước chân.



c) Bảng lớp dài khoảng sải tay.



d) Chiếc ghế cao khoảng que tính.



2 SỐ ?

a)



Chiếc bút dài 



Chiếc bút dài 

b)



Chiếc lược dài 

3 Xem tranh rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:



A

B

C

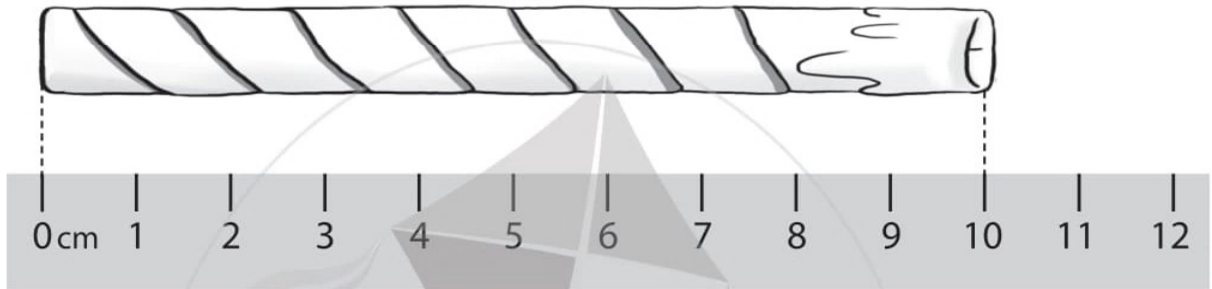
D

- Toà nhà cao nhất là
- Toà nhà thấp nhất là
- Hai toà nhà cao bằng nhau là và
- Toà nhà A thấp hơn toà nhà

Bài 53 XĂNG-TI-MÉT

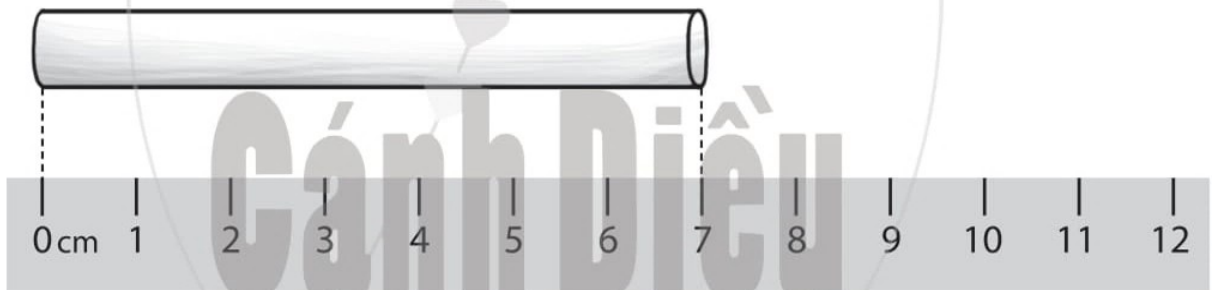
1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



Cây nến dài cm.

b)

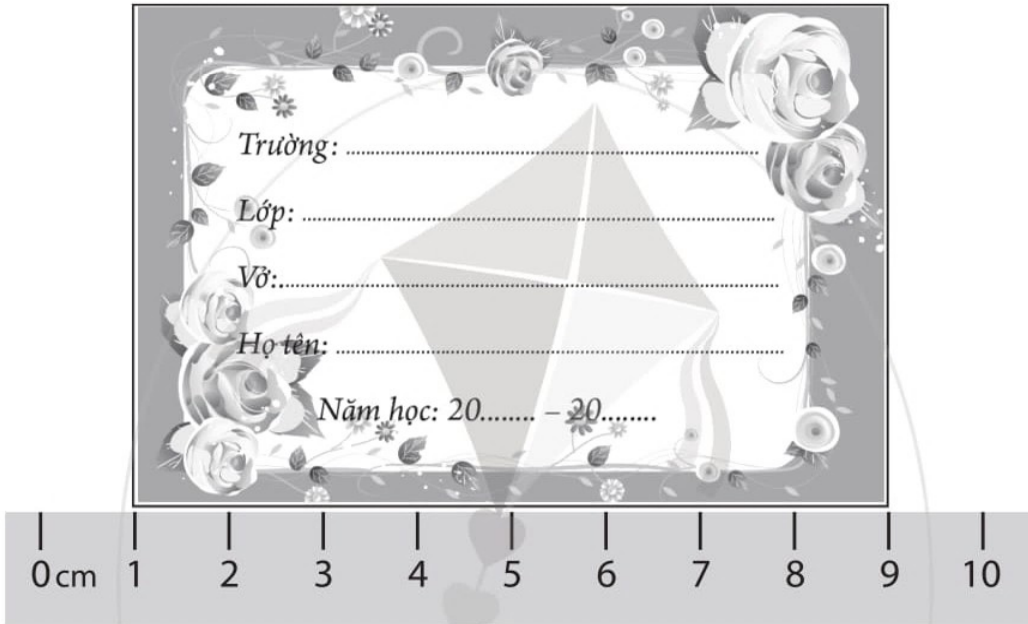


Viên phấn dài cm.

2 a) Dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo, rồi viết số đo độ dài của mỗi băng giấy vào chỗ chấm:

<input type="text"/>
<input type="text"/>
<input type="text"/>

b) Tô màu vào băng giấy dài nhất.

3**Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:**a) Nhãn vở dài 9 cm. b) Nhãn vở dài 8 cm. **4****Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

a) Em tập ước lượng độ dài:

- Bút chì màu của em dài khoảng cm.
- Viên tẩy của em dài khoảng cm.
- Quyển sách Toán 1 dài khoảng cm.

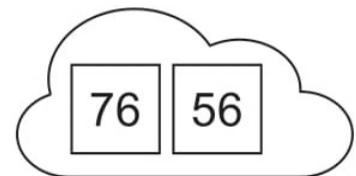
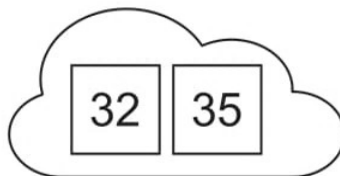
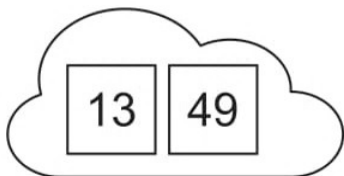
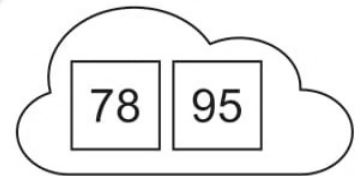
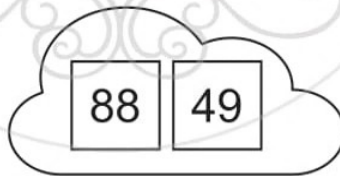
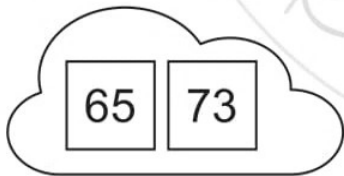
b) Em đo để kiểm tra kết quả ước lượng:

- Bút chì màu của em dài cm.
- Viên tẩy của em dài cm.
- Quyển sách Toán 1 dài cm.

1) Viết những số còn thiếu để có bảng các số từ 1 đến 100:

1									10
	12							19	
		23					28		
			34			37			
				45	46				
				55	56				
			64			67			
		73				78			
	82						89		
91									100

2) a) Tô màu vào thẻ ghi số lớn hơn trong mỗi cặp thẻ sau:



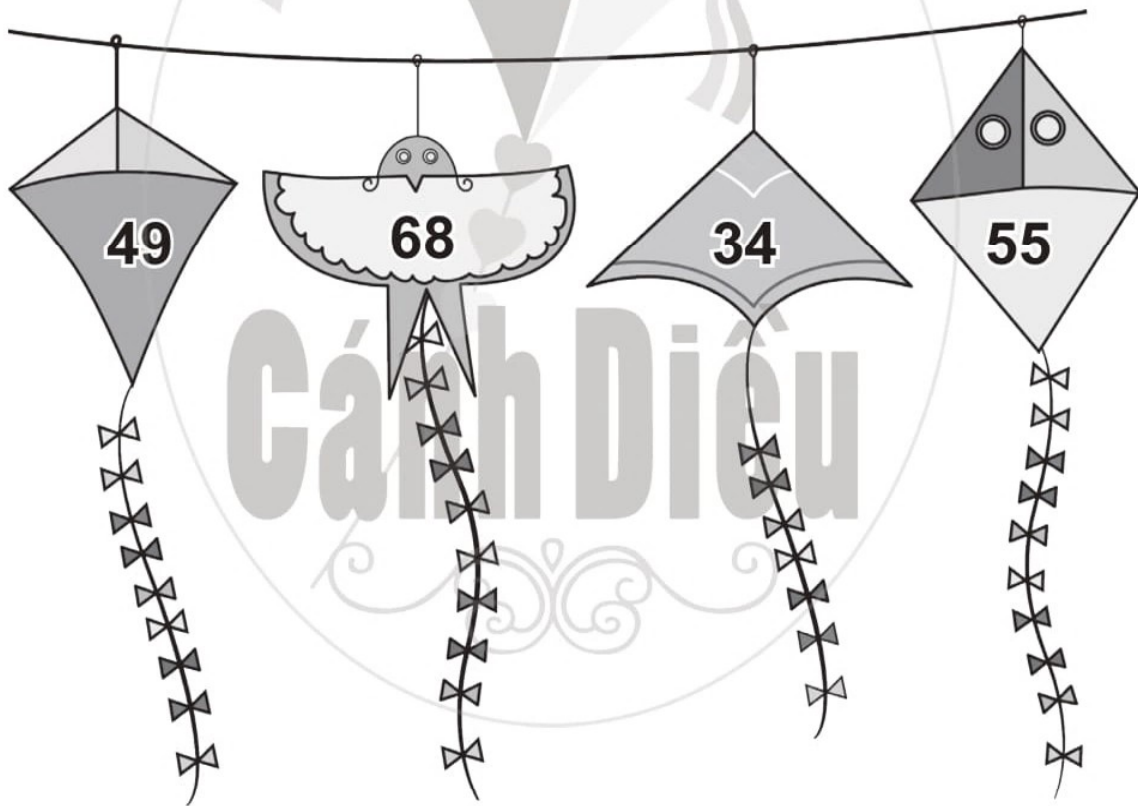
b) ? 15 21 98 89 74 74 30 48

3**Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

- a) Số 28 gồm chục và đơn vị.
 b) Số 41 gồm chục và đơn vị.
 c) Số 55 gồm chục và đơn vị.
 d) Số 70 gồm chục và đơn vị.
 e) Số 99 gồm chục và đơn vị.

4**Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

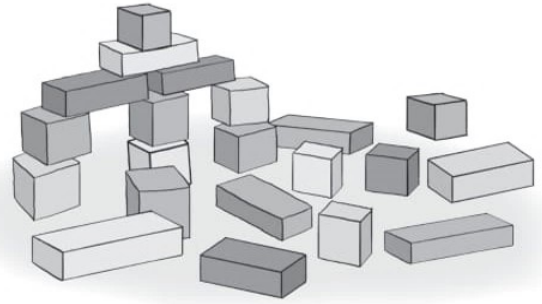
Cho các số:



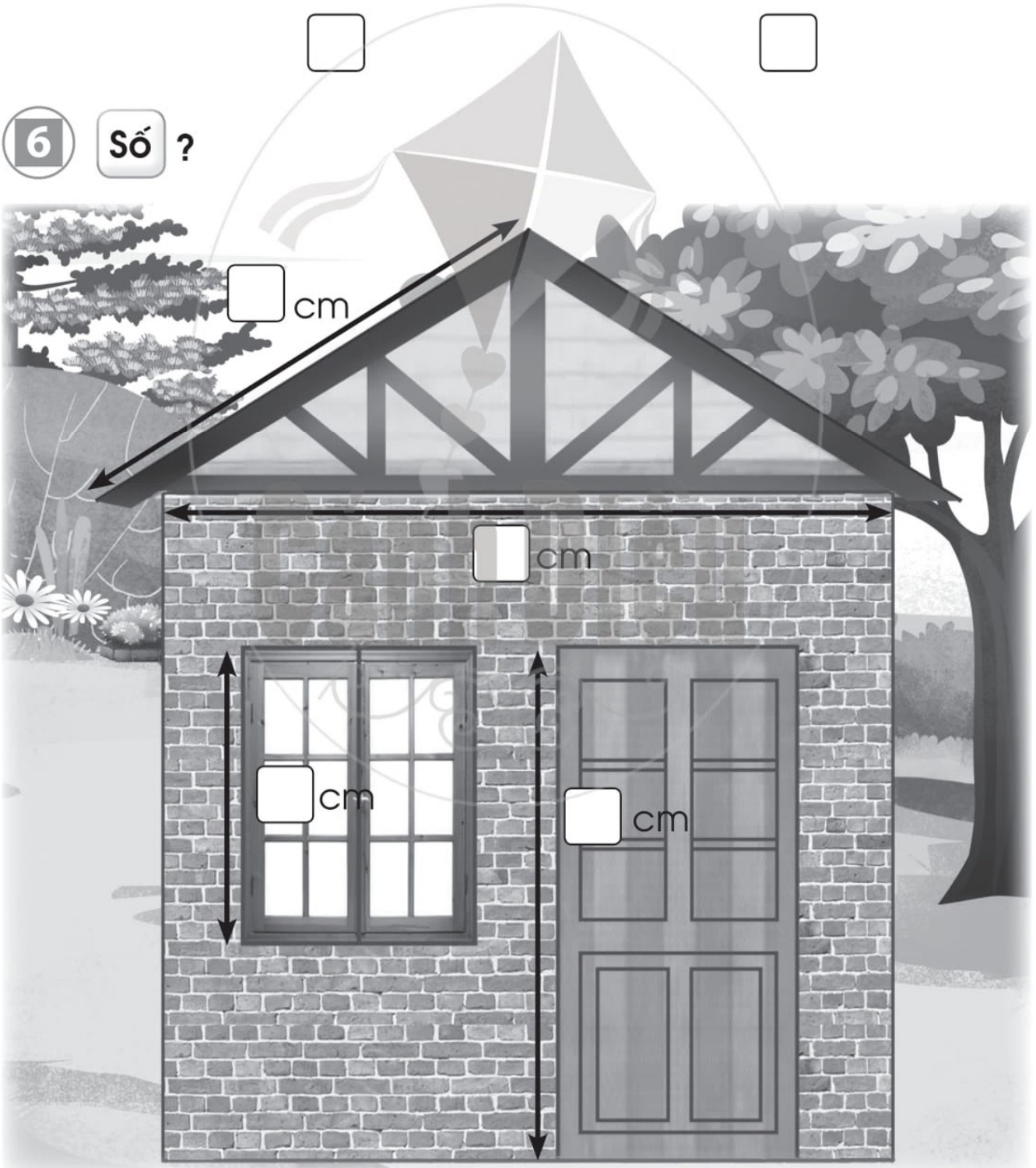
- a) Số bé nhất là
- b) Số lớn nhất là
- c) Viết các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

5 SỐ ?



6 SỐ ?



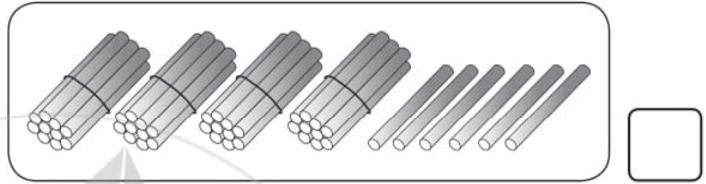
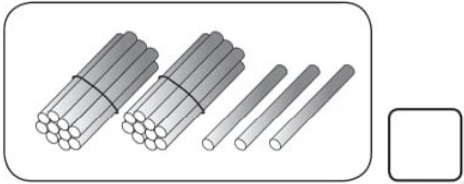
cm

cm

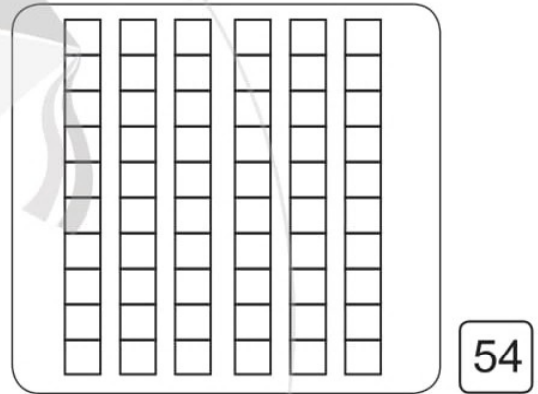
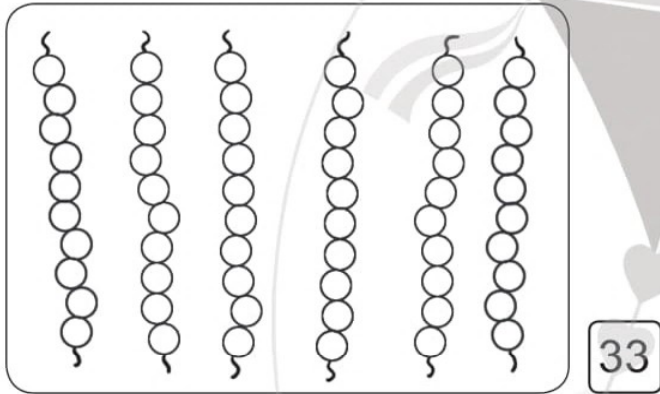
cm

cm

1 a) **Số ?**



b) Tô màu cho đủ số lượng:




c) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- Số 73 gồm 70 và 3.
- Số 73 gồm 7 và 3.
- Số hai mươi sáu viết là 26.
- Số hai mươi sáu viết là 206.

2 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

- a) Số 32 gồm chục và đơn vị.
- b) Số 50 gồm chục và đơn vị.
- c) Số 66 gồm chục và đơn vị.
- d) Số 19 gồm chục và đơn vị.

3 a)  ? 8 17 26 29 63 36
 90 60 41 34 75 75

b) Viết các số 52, 10, 85, 100 theo thứ tự từ bé đến lớn:

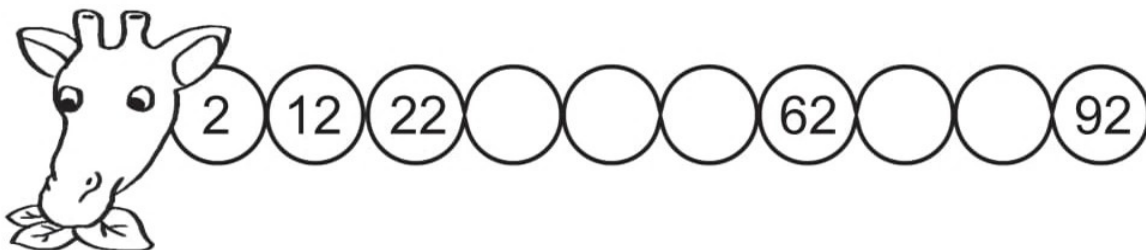
.....

4 Đánh dấu ✓ vào ô trống bên cạnh tên bạn đo đúng độ dài cả ba băng giấy:

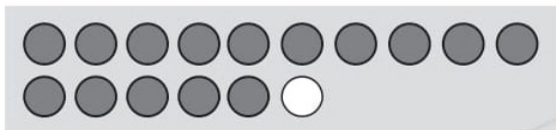


				
Đức	<input type="checkbox"/>	6 cm	10 cm	2 cm
Dung	<input type="checkbox"/>	5 cm	10 cm	12 cm
Tú	<input type="checkbox"/>	6 cm	10 cm	12 cm

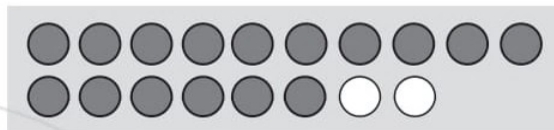
5 Số ?



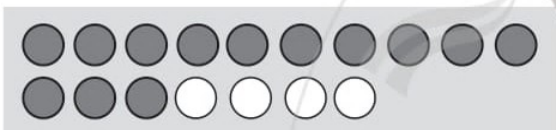
1 Tính:



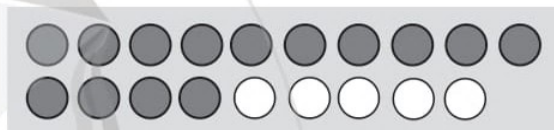
$15 + 1 = \dots$



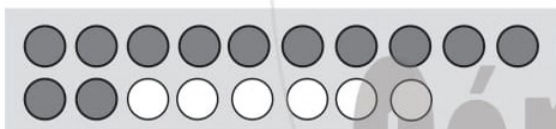
$16 + 2 = \dots$



$13 + 4 = \dots$



$14 + 5 = \dots$



$12 + 6 = \dots$



$10 + 7 = \dots$

2 Tính:

$12 + 1 = \dots$

$13 + 2 = \dots$

$14 + 4 = \dots$

$12 + 3 = \dots$

$16 + 3 = \dots$

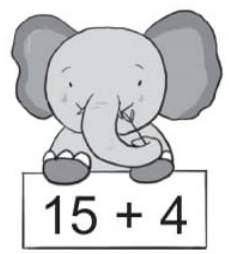
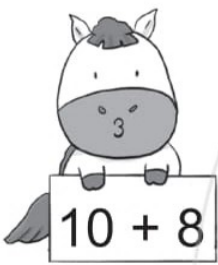
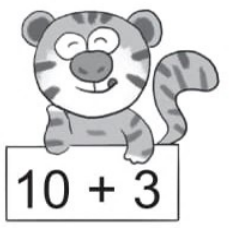
$11 + 5 = \dots$

$13 + 1 = \dots$

$15 + 2 = \dots$

$12 + 7 = \dots$

3 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



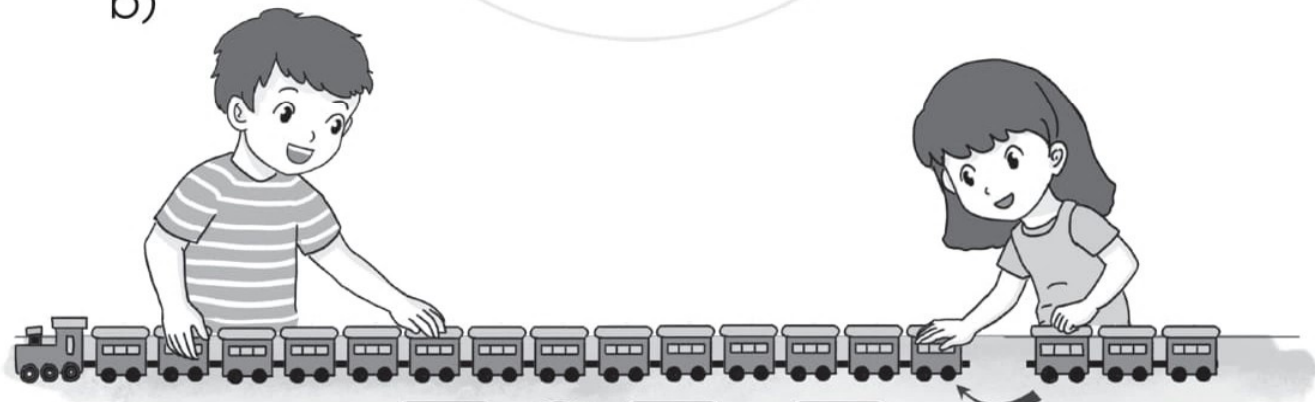
4 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



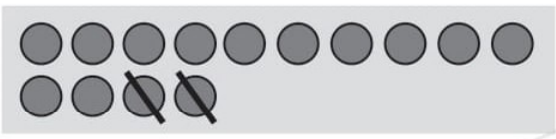
$$\square \bigcirc \square = \square$$

b)



$$\square \bigcirc \square = \square$$

1 Tính:



$$14 - 2 = \dots$$



$$16 - 4 = \dots$$



$$18 - 3 = \dots$$



$$17 - 5 = \dots$$



$$16 - 6 = \dots$$



$$19 - 7 = \dots$$

2 Tính:

$$15 - 2 = \dots$$

$$13 - 3 = \dots$$

$$17 - 6 = \dots$$

$$16 - 3 = \dots$$

$$16 - 5 = \dots$$

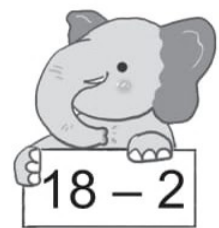
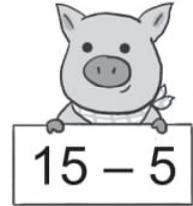
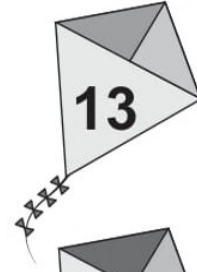
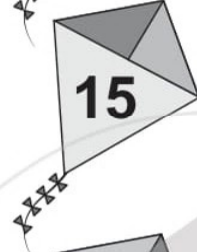
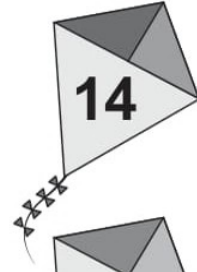
$$19 - 8 = \dots$$

$$14 - 1 = \dots$$

$$18 - 4 = \dots$$

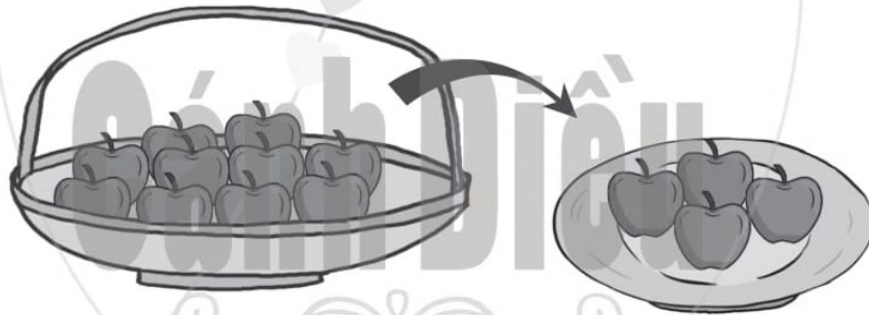
$$14 - 4 = \dots$$

3 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



4 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square \circ \square = \square$$

b)



$$\square \circ \square = \square$$

1 Tính:

$16 + 1 = \dots$

$18 - 5 = \dots$

$12 - 2 = \dots$

$19 - 1 = \dots$

$10 + 6 = \dots$

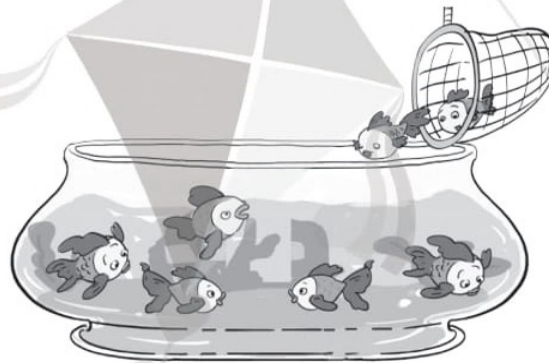
$17 - 7 = \dots$

$13 + 3 = \dots$

$10 + 5 = \dots$

$18 - 6 = \dots$

2 SỐ ?



Bài toán: Trong bể có con cá, thả thêm con cá.
Hỏi trong bể có tất cả bao nhiêu con cá?

3 a) Tổ em có 6 bạn, sau đó có thêm 3 bạn nữa. Hỏi tổ em có tất cả mấy bạn?



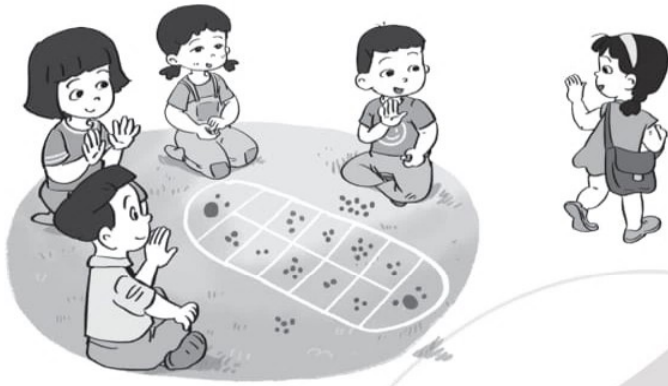
Phép tính:

$\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời:

Tổ em có tất cả bạn.

b) Lúc đầu trên sân có 5 bạn đang chơi, sau đó 1 bạn đi về. Hỏi trên sân còn lại mấy bạn?



Phép tính:

$$\square \bigcirc \square = \square$$

Trả lời:

Trên sân còn lại bạn.

- 4 Một xe ô tô buýt có 18 người trên xe, khi đến điểm dừng 4 người xuống xe. Hỏi trên xe còn lại bao nhiêu người?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Trên xe còn lại người.

1 Tính:

$30 + 10 = \dots$

$20 + 20 = \dots$

$50 + 40 = \dots$

$40 + 20 = \dots$

$80 + 10 = \dots$

$20 + 70 = \dots$

2 Tính:

$40 - 30 = \dots$

$50 - 50 = \dots$

$90 - 60 = \dots$

$60 - 10 = \dots$

$80 - 70 = \dots$

$70 - 50 = \dots$

3 Số ?

$40 + \square = 50$

$40 - \square = 20$

$10 + \square = 70$

$30 + \square = 50$

$30 - \square = 10$

$20 - \square = 0$

- 4 Lớp 1A ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn được 5 chục quyển vở, lớp 1B ủng hộ được 4 chục quyển vở. Hỏi cả hai lớp ủng hộ được bao nhiêu quyển vở?



Phép tính:

$\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Cả hai lớp ủng hộ được \square quyển vở.

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 11 \\ + 45 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 54 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 86 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$$

.....

2 Đặt tính rồi tính (theo mẫu):

$42 + 17$

$$\begin{array}{r} 42 \\ + 17 \\ \hline 59 \end{array}$$

$36 + 21$

$$\begin{array}{r} \\ \\ \hline \end{array}$$

$53 + 35$

$$\begin{array}{r} \\ \\ \hline \end{array}$$

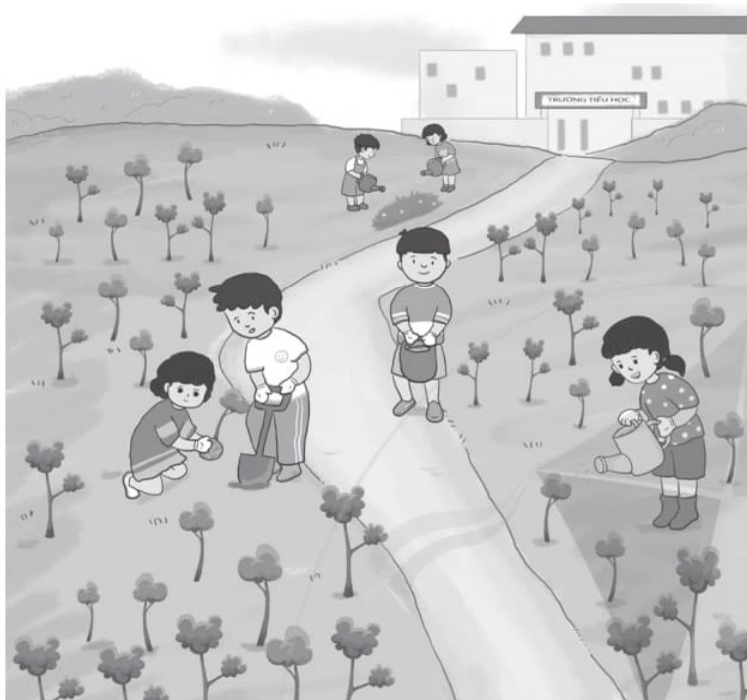
$63 + 22$

$$\begin{array}{r} \\ \\ \hline \end{array}$$

3 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



- 4) Lớp 1A trồng được 24 cây, lớp 1B trồng được 21 cây.
Hỏi cả hai lớp trồng được bao nhiêu cây?



Phép tính:

$$\square \bigcirc \square = \square$$

Trả lời: Cả hai lớp trồng
được \square cây.

- 5) Trong trò chơi tìm chữ cái, An tìm được 31 chữ cái,
Thu tìm được 28 chữ cái. Hỏi cả hai bạn tìm được bao
nhiêu chữ cái?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Cả hai bạn tìm được \square chữ cái.

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 22 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 41 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 64 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

2 Đặt tính rồi tính:

$45 + 3$

.....
.....
.....

$53 + 6$

.....
.....
.....

$82 + 4$

.....
.....
.....

$63 + 3$

.....
.....
.....

3 Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 40 \\ \hline 65 \end{array}$$

• 5 cộng 0 bằng 5, viết 5

• 2 cộng 4 bằng 6, viết 6

Vậy $25 + 40 = 65$

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 30 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 20 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 26 \\ + 50 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 24 \\ + 70 \\ \hline \end{array}$$

.....

4 Đặt tính rồi tính:

$29 + 40$

.....
.....
.....

$72 + 20$

.....
.....
.....

$48 + 50$

.....
.....
.....

$67 + 10$

.....
.....
.....

5 Mẹ làm được 25 chiếc bánh rán nhân ngọt và 20 chiếc bánh rán nhân mặn. Hỏi mẹ làm được tất cả bao nhiêu chiếc bánh?



Phép tính: ○ =

Trả lời: Mẹ làm được tất cả chiếc bánh.

Bài 62 LUYỆN TẬP

1 Tính:

$5 + 2 = \dots$

$4 + 4 = \dots$

$65 + 2 = \dots$

$54 + 4 = \dots$

$6 + 3 = \dots$

$7 + 1 = \dots$

$96 + 3 = \dots$

$87 + 1 = \dots$

Hãy tìm cách tính mà không cần đặt tính



2 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:

62 + 5

67

79 + 10

89

51 + 2

53

84 + 5

60 + 7

23 + 30

47 + 20

3 a) Tính:

$30 + 40 + 10 = \dots$

$50 + 10 + 3 = \dots$

$60 + 20 + 12 = \dots$

$70 + 8 + 1 = \dots$

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Dũng



Hà

Số điểm của bạn Dũng là: + + = (điểm).

Số điểm của bạn Hà là: + + = (điểm).

4

Tiết mục văn nghệ có 31 bạn hát và 8 bạn múa.

Hỏi tiết mục văn nghệ đó có tất cả bao nhiêu bạn?



Phép tính:

$$\square \bigcirc \square = \square$$

Trả lời: Tiết mục văn nghệ có tất cả bạn.

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 27 \\ - \\ 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ - \\ 14 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 48 \\ - \\ 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ - \\ 16 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 54 \\ - \\ 13 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ - \\ 13 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 53 \\ - \\ 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53 \\ - \\ 23 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 39 \\ - \\ 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ - \\ 12 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 65 \\ - \\ 61 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 65 \\ - \\ 61 \\ \hline \end{array}$$

.....

Nhớ viết kết quả thẳng cột



2 Đặt tính rồi tính:

$$42 - 31$$

.....

.....

.....

$$35 - 23$$

.....

.....

.....

$$87 - 26$$

.....

.....

.....

$$59 - 49$$

.....

.....

.....

$$45 - 22$$

.....

.....

.....

$$56 - 41$$

.....

.....

.....

$$77 - 66$$

.....

.....

.....

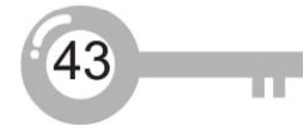
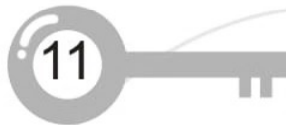
$$89 - 83$$

.....

.....

.....

3 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



- 4** a) Tủ sách lớp 1A có 68 quyển sách, cô giáo đã cho mượn 15 quyển. Hỏi tủ sách lớp 1A còn lại bao nhiêu quyển sách?

Phép tính:

$$\square \bigcirc \square = \square$$

Trả lời: Tủ sách lớp 1A

còn lại quyển sách.



- b) Tủ sách lớp 1A có 68 quyển sách, Tâm đã đọc 22 quyển sách. Hỏi trong tủ sách lớp 1A còn bao nhiêu quyển sách Tâm chưa đọc?

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Trong tủ sách lớp 1A còn quyển sách Tâm chưa đọc.

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 37 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 83 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

2 Đặt tính rồi tính:

$$46 - 5$$

.....

.....

.....

$$58 - 4$$

.....

.....

.....

$$28 - 7$$

.....

.....

.....

$$69 - 9$$

.....

.....

.....

3 Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 40 \\ \hline 23 \end{array}$$

- 3 trừ 0 bằng 3, viết 3
- 6 trừ 4 bằng 2, viết 2

Vậy $63 - 40 = 23$



$$\begin{array}{r} 48 \\ - 30 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 36 \\ - 10 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 75 \\ - 30 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 86 \\ - 20 \\ \hline \end{array}$$

.....

4 Đặt tính rồi tính:

$56 - 20$

.....
.....
.....

$27 - 10$

.....
.....
.....

$91 - 50$

.....
.....
.....

$88 - 70$

.....
.....
.....

5 Trang có 36 tờ giấy màu. Trang cắt hoa hết 6 tờ. Hỏi Trang còn lại bao nhiêu tờ giấy màu?



Phép tính: ○ =

Trả lời: Trang còn lại tờ giấy màu.

Bài 65 LUYỆN TẬP

1 Tính:

$6 - 4 = \dots$

$9 - 5 = \dots$

$7 - 2 = \dots$

$76 - 4 = \dots$

$59 - 5 = \dots$

$87 - 2 = \dots$

2 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



3 Tính:

a) $50 - 10 - 30 = \dots$

$67 - 7 - 20 = \dots$

b) $2 + 4 - 3 = \dots$

$9 - 5 + 2 = \dots$

$20 + 40 - 30 = \dots$

$90 - 50 + 20 = \dots$

4 Tính (theo mẫu):

Mẫu: $10 \text{ cm} + 20 \text{ cm} = 30 \text{ cm}$

$20 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$40 \text{ cm} + 10 \text{ cm} - 20 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$70 \text{ cm} - 40 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$50 \text{ cm} - 20 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

5 Vườn nhà chú Doanh có 38 buồng chuối, chú đã cắt 5 buồng. Hỏi vườn nhà chú Doanh còn lại bao nhiêu buồng chuối?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Vườn nhà chú Doanh còn lại \square buồng chuối.

1 Đặt tính rồi tính:

$67 - 5$

$31 + 8$

$95 - 60$

$50 + 24$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$21 + 73$

$57 - 16$

$43 + 44$

$75 - 72$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

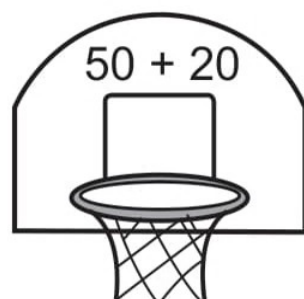
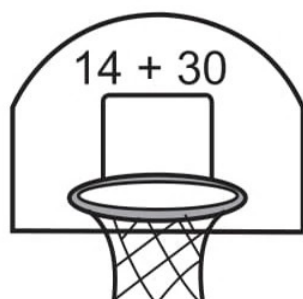
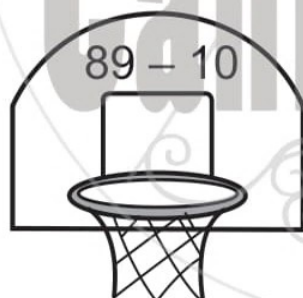
.....

.....

.....

.....

2 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



3



$10 + 20 \square 50$

$30 + 20 \square 50$

$50 - 10 \square 30$

$40 - 30 \square 30$

4

Trong phòng có 30 cái ghế, người ta mang thêm vào 15 cái ghế nữa. Hỏi trong phòng có tất cả bao nhiêu cái ghế?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Trong phòng có tất cả \square cái ghế.

1 Viết tiếp vào chỗ chấm:

a) Các ngày trong tuần lễ là:

.....

b) Nếu hôm nay là thứ Năm thì:

– Ngày mai là thứ

– Hôm qua là thứ

2 Viết tiếp vào chỗ chấm:

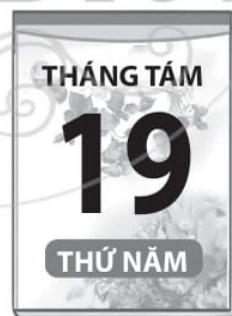
Trong một tuần lễ:

a) Em đi học vào các ngày:

.....

b) Em được nghỉ học các ngày:

3 Đọc mỗi tờ lịch sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm:



– Ngày 26 tháng 3 là thứ

– Ngày 1 tháng 6 là thứ

– Ngày 19 tháng 8 là thứ

– Ngày 20 tháng 11 là thứ

4 Xem tranh rồi viết tiếp vào chỗ chấm:

a) Ngày mai mẹ sẽ cho Tân đi chơi công viên.
Hôm nay là thứ



b)



Đúng một tuần nữa là sinh nhật của anh Đức



Sinh nhật của anh Đức vào

1 Viết vào chỗ chấm (theo mẫu):



5 giờ



.....



.....

2 Nối mỗi hình vẽ với đồng hồ thích hợp (theo mẫu):



Buổi sáng, Loan tập thể dục lúc 6 giờ.



Buổi sáng, Loan học cùng các bạn lúc 10 giờ.



Loan ăn trưa lúc 11 giờ.



Buổi chiều, Loan đi bơi lúc 4 giờ.



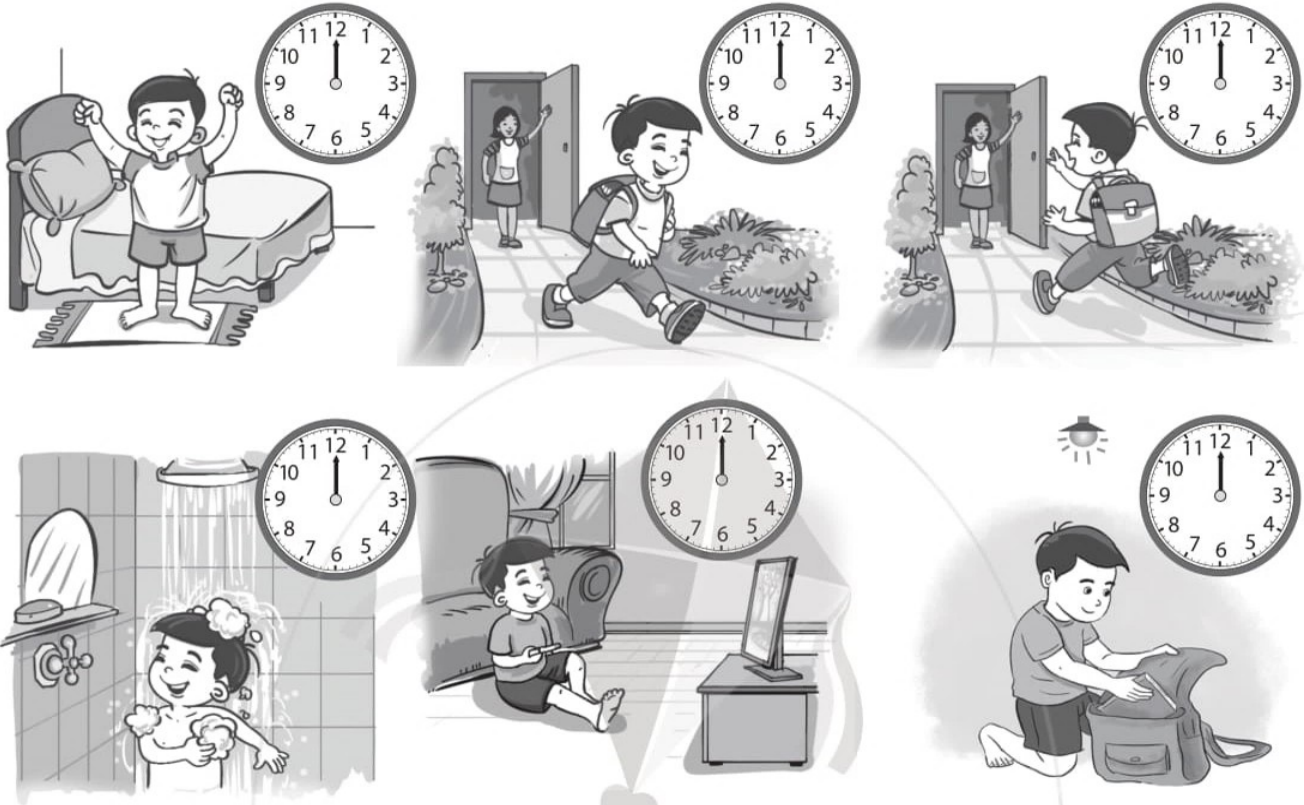
Buổi tối, Loan đọc sách lúc 8 giờ.



Buổi tối, Loan đi ngủ lúc 9 giờ.



3) a) Vẽ thêm kim ngắn vào mỗi đồng hồ cho thích hợp:



b) Kể chuyện theo các tranh trên.

4) Bạn Châu đi từ thành phố về quê. Vẽ thêm kim ngắn vào mỗi đồng hồ cho thích hợp.



1 Tính:

$5 + 2 = \dots$	$8 - 3 = \dots$
$15 + 2 = \dots$	$18 - 3 = \dots$
$65 + 2 = \dots$	$48 - 3 = \dots$
$70 + 10 = \dots$	$60 + 30 = \dots$
$80 - 10 = \dots$	$90 - 60 = \dots$
$80 - 70 = \dots$	$90 - 30 = \dots$

Hãy tìm cách tính mà không cần đặt tính



2 a) Đặt tính rồi tính:

$66 + 13$	$73 - 31$	$54 + 33$	$86 - 20$
.....
.....
.....
$45 + 50$	$34 - 24$	$22 + 7$	$97 - 3$
.....
.....
.....

b) Tính:

$50 + 10 - 30 = \dots$	$27 + 10 + 2 = \dots$
$60 - 20 + 40 = \dots$	$48 - 5 - 20 = \dots$

3

Số ?



Hình trên có: hình vuông, hình tròn,
 hình tam giác, hình chữ nhật.

4

a) Khoanh vào chữ đặt bên cạnh đồng hồ chỉ 3 giờ.



A



B

b) Vẽ thêm kim ngắn, kim dài để đồng hồ chỉ: 2 giờ; 11 giờ.



c) Đọc tờ lịch dưới đây rồi viết tiếp vào chỗ chấm:

– Ngày Sách Việt Nam 21 tháng Tư vào thứ

– Hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam, Trường Tiểu học Nguyễn Du tổ chức Tuần lễ văn hoá đọc. Nếu khai mạc vào ngày 21 tháng Tư thì kết thúc vào thứ



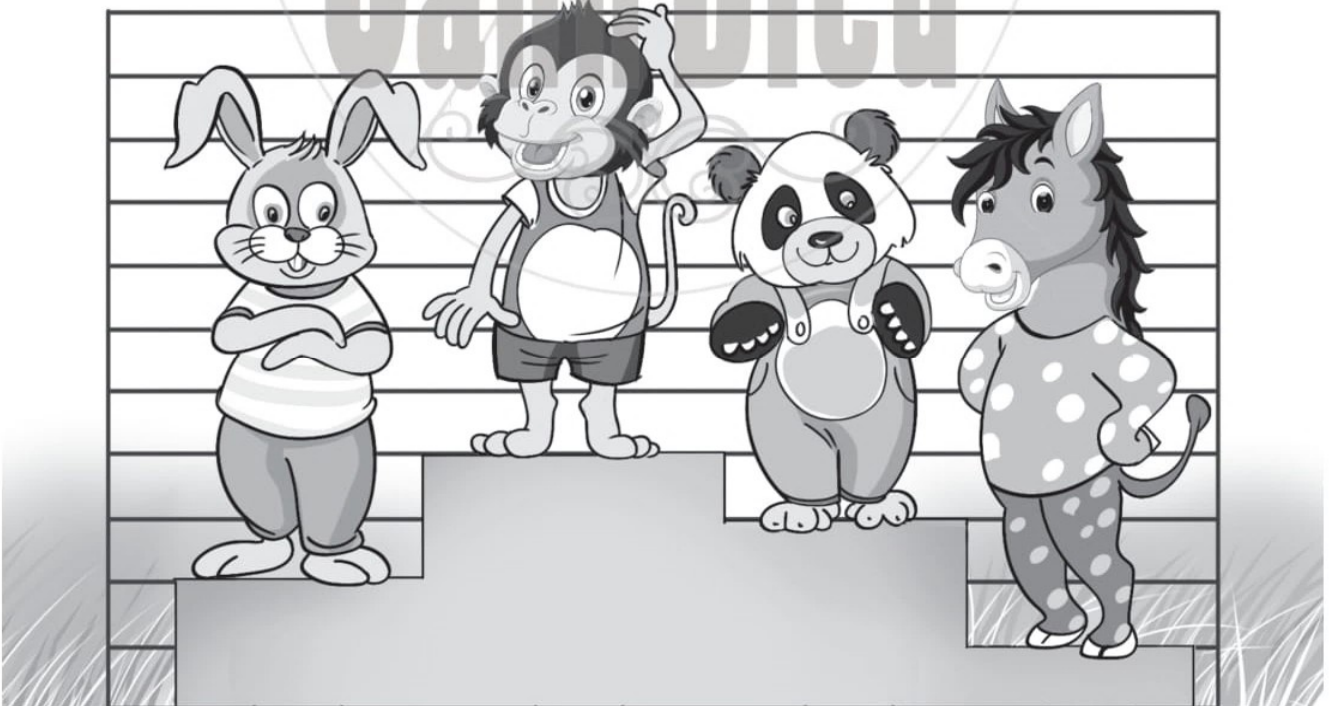
- 5 Thanh gỗ dài 85 cm, bác An cắt bớt 35 cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Phép tính: ○ =

Trả lời: Thanh gỗ còn lại dài cm.

- 6 Đánh dấu ✓ vào con vật cao nhất:



1 Đặt tính rồi tính:

$13 + 32$

.....

.....

.....

$56 - 25$

.....

.....

.....

$64 + 3$

.....

.....

.....

$77 - 5$

.....

.....

.....

2 Tính nhẩm:

$14 + 1 + 3 = \dots$ $50 + 20 + 10 = \dots$
 $19 - 2 - 7 = \dots$ $60 - 30 + 40 = \dots$

3 Tìm lỗi sai trong các phép tính sau rồi sửa lại cho đúng:

$$\begin{array}{r} 45 \quad \dots\dots \\ + 13 \quad \dots\dots \\ \hline 32 \quad \dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \quad \dots\dots \\ - 2 \quad \dots\dots \\ \hline 58 \quad \dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 21 \quad \dots\dots \\ + 5 \quad \dots\dots \\ \hline 71 \quad \dots\dots \end{array}$$

- 4 Xe thứ nhất chở 24 người, xe thứ hai chở 24 người. Hỏi cả hai xe chở bao nhiêu người?

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Cả hai xe chở \square người.

- 5 Khoanh vào chữ đặt bên cạnh đồng hồ chỉ giờ thích hợp:

Buổi chiều, anh Tuấn thích đọc sách vào sau 3 giờ và trước 5 giờ.

Đồng hồ nào dưới đây có thể chỉ giờ mà anh Tuấn đọc sách?



A



B



C





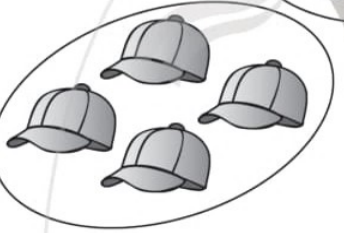


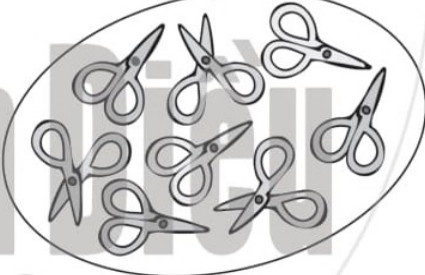





D


- 6 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:


Hè vừa rồi, em được bố mẹ đưa về quê thăm ông bà 1 tuần và 2 ngày. Em được về quê tất cả ngày.

1 Nói (theo mẫu):

1		một
2		hai
3		ba
4		bốn
5		năm
6		sáu
7		bảy
8		tám
9		chín
10		mười

2  ? 2 7 6 9 10 1 8 8

 4 4 8 0 5 7 10 3



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Cho các số sau:    

a) Số lớn nhất là

b) Số bé nhất là

c) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

4 Số ?

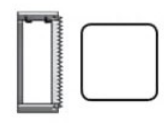
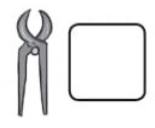
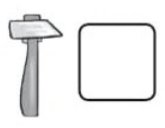
5 6 7

6 7 8

4 3 2

3 2 1

5 Xem tranh rồi đếm số đồ vật mỗi loại:



1 Tính nhẩm:

a) $8 + 1 = \dots$ $6 + 0 = \dots$ $10 - 5 = \dots$ $5 - 0 = \dots$
 $3 + 3 = \dots$ $7 + 3 = \dots$ $8 - 3 = \dots$ $4 - 4 = \dots$

b) $7 + 2 + 1 = \dots$ $10 - 3 + 2 = \dots$
 $5 - 1 - 2 = \dots$ $4 + 2 - 5 = \dots$

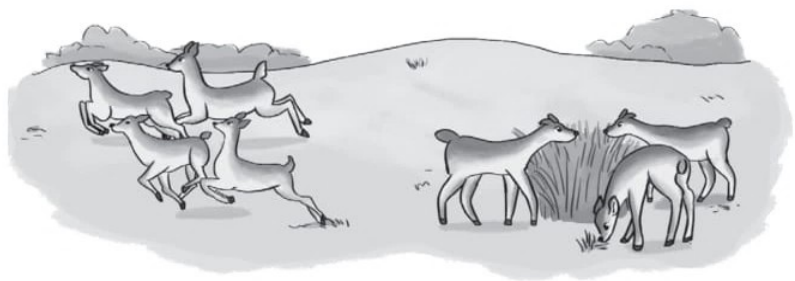
2 Xem tranh rồi viết phép cộng thích hợp:



\circ =

\circ =

3 Xem tranh rồi viết phép trừ thích hợp:



\circ =

\circ =

4 a) Số ?



$6 + 4 = \square$

$10 - 4 = \square$

$4 + 6 = \square$

$10 - 6 = \square$

b) Xem tranh rồi viết phép tính thích hợp:



$\square + \square = \square$

$\square + \square = \square$

$\square - \square = \square$

$\square - \square = \square$

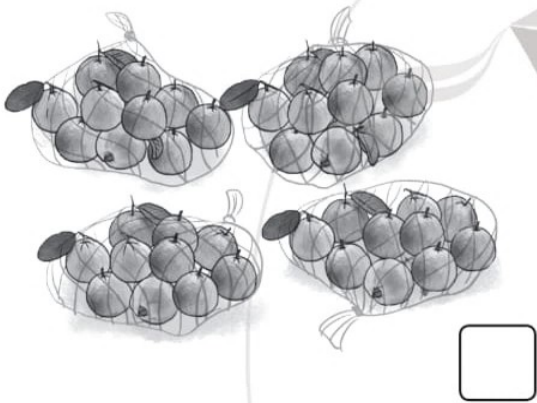
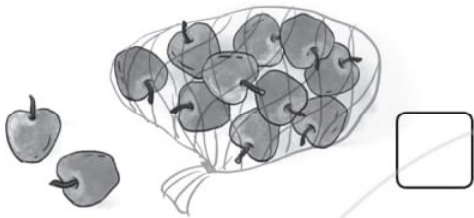
5 Ổ trứng có 7 quả, trong đó 2 quả đã nở. Hỏi trong ổ còn lại mấy quả trứng chưa nở?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Trong ổ còn lại \square quả trứng chưa nở.

1 SỐ ?



2 a) Viết (theo mẫu):

25: Hai mươi lăm

75:

31:

80:

46:

99:

64:

100:

b) SỐ ?

25 gồm chục và đơn vị, ta viết $25 = \square + \square$

64 gồm chục và đơn vị, ta viết $64 = \square + \square$

80 gồm chục và đơn vị, ta viết $80 = \square + \square$

3



$56 \square 8$

$52 \square 57$

$83 \square 83$

$39 \square 44$

$12 \square 12$

$47 \square 67$

$76 \square 23$

$19 \square 82$

$7 \square 75$

4

Viết các số sau:

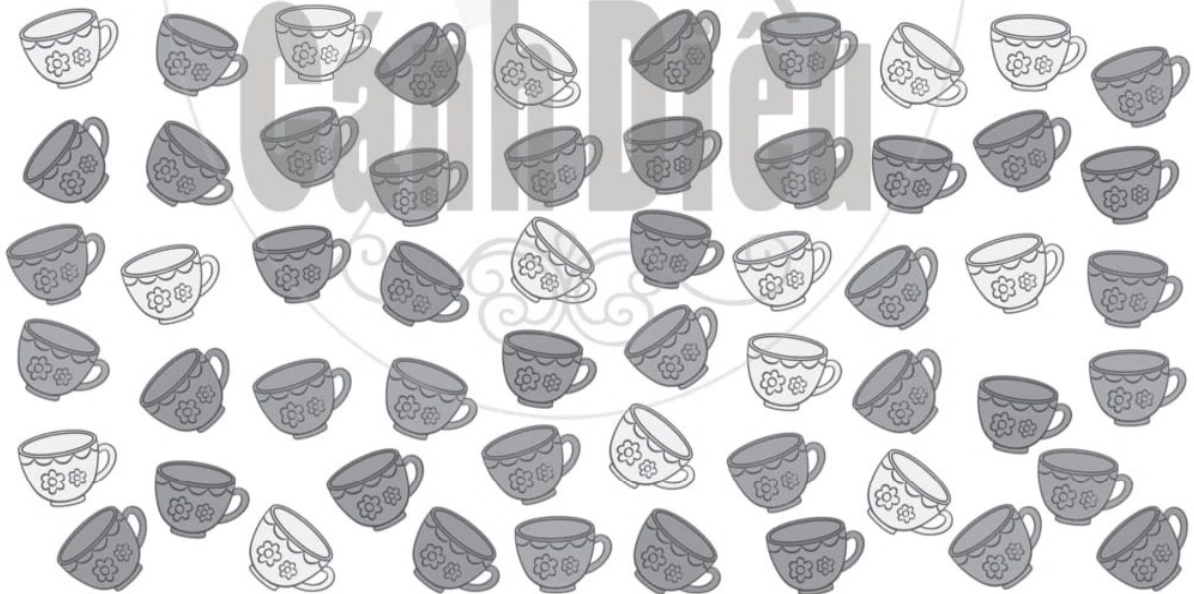


a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:,,,

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:,,,

5

a) Em hãy dự đoán trong hình sau có bao nhiêu chiếc cốc:



Dự đoán: Có khoảng chiếc cốc.

b) Hãy đếm để kiểm tra dự đoán của mình.

Kiểm tra: Có chiếc cốc.

1 Tính:

a) $14 + 3 = \dots$ $18 - 2 = \dots$ $40 + 50 = \dots$

$76 + 1 = \dots$ $65 - 1 = \dots$ $70 - 40 = \dots$

b) $30 + 20 + 10 = \dots$ $17 - 7 + 5 = \dots$

$80 - 30 - 20 = \dots$ $12 + 6 - 8 = \dots$

2 Đặt tính rồi tính:

$65 + 24$

$44 + 30$

$42 + 5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$39 - 12$

$95 - 50$

$78 - 6$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng:

54
-	2
<hr/>	
34

46
+	3
<hr/>	
76

6
+	32
<hr/>	
92



4 Số ?

$$\begin{array}{r} \square 2 \\ - 2 \square \\ \hline 17 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \square \\ + 2 \\ \hline \square 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 6 \\ - 4 \square \\ \hline 53 \end{array}$$

5 Chị Mai bẻ được 32 bắp ngô, anh Tuấn bẻ được 47 bắp. Hỏi cả hai anh chị bẻ được bao nhiêu bắp ngô?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Cả hai anh chị bẻ được \square bắp ngô.

1 Xem đồng hồ rồi viết giờ thích hợp vào chỗ chấm:



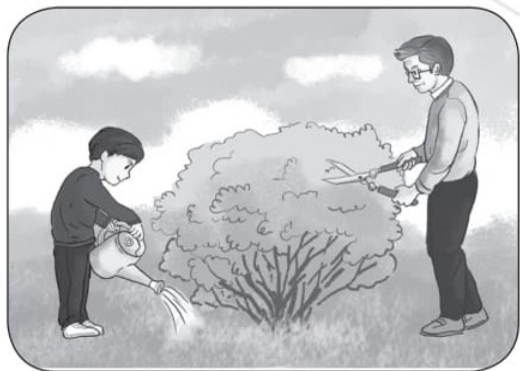
2 Nối đồng hồ thích hợp với mỗi tranh vẽ nói về ngày Chủ nhật của Nam:



Buổi sáng: Nam đến thăm ông bà lúc 8 giờ.



Buổi trưa: Cả nhà ăn cơm lúc 12 giờ.



Buổi chiều: Nam giúp ông chăm sóc cây lúc 4 giờ.



Buổi tối: Nam về nhà lúc 7 giờ.

3 a) Vẽ kim đồng hồ chỉ giờ thích hợp:

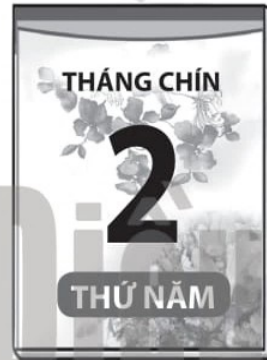
Buổi chiều, Mai giúp mẹ nấu cơm lúc 6 giờ.



b) Buổi chiều, em thường làm gì lúc 6 giờ?

.....

4 a) Đọc mỗi tờ lịch sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm:



– Ngày 2 tháng 9 là thứ

– Ngày 8 tháng 3 là thứ

– Ngày 19 tháng 5 là thứ

– Ngày 10 tháng 10 là

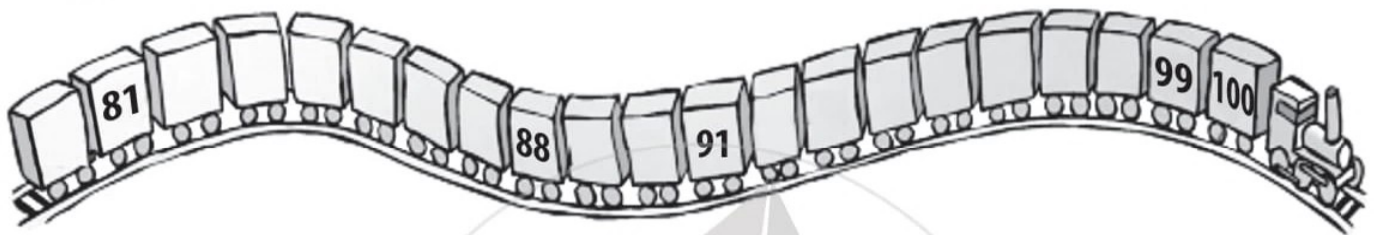
b) Nói về những sự kiện mà em biết gắn với các ngày nói trên:

.....

.....

Bài 76 ÔN TẬP

1 a) Viết các số còn thiếu rồi đọc những số đó:



b) Trong các số trên, số lớn nhất là, số bé nhất là

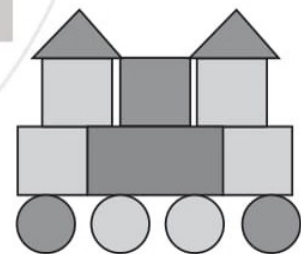
2 a) Tính: $12 + 4 = \dots$ $38 - 3 = \dots$
 $56 + 10 = \dots$ $77 - 10 = \dots$

b) Đặt tính rồi tính:

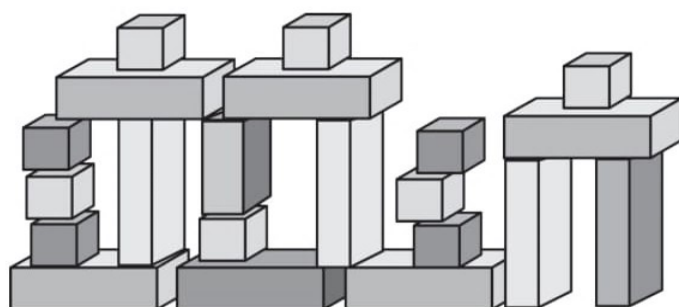
$25 + 31$	$64 + 15$	$83 - 12$	$36 - 21$
.....
.....
.....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình bên có hình vuông,
..... hình tròn, hình tam giác,
..... hình chữ nhật.



b) Hình sau có khối hộp chữ nhật, khối lập phương.



- 4 a) Khánh và Hồng cùng sưu tầm ảnh về các loài chim. Khánh sưu tầm được 30 bức ảnh, Hồng sưu tầm được 35 bức. Hỏi cả hai bạn sưu tầm được bao nhiêu bức ảnh?

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Cả hai bạn sưu tầm được \square bức ảnh.

- b) Trong số các bức ảnh mà Khánh và Hồng sưu tầm được có 13 ảnh đen trắng, còn lại là ảnh màu. Hỏi hai bạn đã sưu tầm được bao nhiêu bức ảnh màu?

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Hai bạn sưu tầm được \square bức ảnh màu.

- 5 a) Viết độ dài của mỗi vật vào chỗ chấm:



- b) Viết giờ thích hợp vào chỗ chấm:



Hướng dẫn sử dụng vở bài tập toán 1.....	3
BÀI 39. Các số 11, 12, 13, 14, 15, 16.....	4
BÀI 40. Các số 17, 18, 19, 20.....	6
BÀI 41. Luyện tập.....	8
BÀI 42. Các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.....	10
BÀI 43. Các số có hai chữ số (từ 21 đến 40).....	11
BÀI 44. Các số có hai chữ số (từ 41 đến 70).....	13
BÀI 45. Các số có hai chữ số (từ 71 đến 99).....	15
BÀI 46. Các số đến 100.....	17
BÀI 47. Chục và đơn vị.....	19
BÀI 48. Luyện tập.....	21
BÀI 49. So sánh các số trong phạm vi 100.....	23
BÀI 50. Luyện tập.....	24
BÀI 51. Dài hơn – Ngắn hơn.....	26
BÀI 52. Đo độ dài.....	28
BÀI 53. Xăng-ti-mét.....	30
BÀI 54. Em ôn lại những gì đã học.....	32
BÀI 55. Bài kiểm tra số 3.....	35
BÀI 56. Phép cộng dạng $14 + 3$	37
BÀI 57. Phép trừ dạng $17 - 2$	39
BÀI 58. Luyện tập.....	41
BÀI 59. Cộng, trừ các số tròn chục.....	43
BÀI 60. Phép cộng dạng $25 + 14$	44
BÀI 61. Phép cộng dạng $25 + 4$, $25 + 40$	46
BÀI 62. Luyện tập.....	48
BÀI 63. Phép trừ dạng $39 - 15$	50
BÀI 64. Phép trừ dạng $27 - 4$, $63 - 40$	52
BÀI 65. Luyện tập.....	54
BÀI 66. Luyện tập chung.....	56
BÀI 67. Các ngày trong tuần lễ.....	58
BÀI 68. Đồng hồ – Thời gian.....	60
BÀI 69. Em ôn lại những gì đã học.....	62
BÀI 70. Bài kiểm tra số 4.....	65
BÀI 71. Ôn tập các số trong phạm vi 10.....	67
BÀI 72. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10.....	69
BÀI 73. Ôn tập các số trong phạm vi 100.....	71
BÀI 74. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.....	73
BÀI 75. Ôn tập về thời gian.....	75
BÀI 76. Ôn tập.....	77

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735 | **Fax:** 024.37547911

Email: nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập:

NGUYỄN THỊ NGÂN

Thiết kế sách:

TRẦN THỊ THU AN

Trình bày bìa:

LƯU CHÍ ĐỒNG

Sửa bản in:

LÊ HUY ĐẠN

Trong sách có sử dụng tư liệu, hình ảnh của một số tác giả. Trân trọng cảm ơn.

VỞ BÀI TẬP TOÁN 1 - TẬP HAI

Mã số:

ISBN

In cuốn, khổ 17 x 24cm, tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:/CXBIPH/...../ĐHSP

Quyết định xuất bản số:/QĐ-NXBĐHSP ngày/...../.....

In xong và nộp lưu chiểu năm

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1 Cánh Diều

1. Tiếng Việt 1 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 1
3. Đạo đức 1
4. Tự nhiên và Xã hội 1
5. Giáo dục thể chất 1
6. Âm nhạc 1
7. Mỹ thuật 1
8. Hoạt động trải nghiệm 1

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 1 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập trang
web: <https://canhdiou.monkey.edu.vn>

TEM CHỐNG GIẢ

ISBN 978-604-54-8014-4



9 786045 480144